

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI – GIAI ĐOẠN 2

Kế hoạch Năm (tháng 7/2005 – 6/2006)



VIỆT NAM - ÔXTRÂYLIA

Tài liệu soạn cho

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a
Số 8, Đường Đào Tấn
Quận Ba Đình,
Hà Nội, VIỆT NAM

28 Tháng 5 Năm 2005

VIE1506

Bên soạn thảo

URS Sustainable Development
cùng với các Chuyên gia và Giám đốc dự án thuộc
Kellogg Brown & Root và
Dịch vụ Quản lý Dự án Toàn cầu
Adelaide Australia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a

Số 8 Đào Tân, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317754/Ext 175 (Cán bộ dự án), Fax: +84 4 8317711

CƠ QUAN ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ngãi

96 Đường Nguyễn Nghiêm, Thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Lô 4 Đường Phạm Văn Đồng, Thị Xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÔX-TRÂY-LIA

URS Sustainable Development

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Giám đốc dự án:
Dee Hartvigsen
Giám đốc phụ trách các Dự án
quốc tế

URS Australia Pty Ltd
25 North Terrace, Hackney
South Australia 5069 Australia
Tel: 61 8 8366 1000
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc
Chương trình:
Ted A' Bear
Phó Chủ tịch

Phát triển bền vững

Ngày: 31 May 2005
Số dẫn chiếu: VIE1506
Văn bản: Dự thảo

Các hạn định

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này phục vụ cho việc sử dụng của Cơ quan phát triển quốc tế Ôx-trây-lia (AusAID) theo phạm vi công việc và mục đích được ghi trong Hợp đồng giữa URS và AusAID về Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) – Giai đoạn 2.

Báo cáo này cần phải được đọc trọn vẹn. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba.

MỤC LỤC

Từ viết tắt	iii
Các huyện và xã tham gia Chương trình	v
Bản đồ Tỉnh Quảng Ngãi và các xã huyện RUDEP	vi
Tổng quát	vii
1 Phân giới thiệu	1
1.1 Xuất xứ, khái niệm và các bước chuẩn bị Chương trình	1
1.2 Các cơ quan thực hiện chính.....	1
1.3 Công việc soạn thảo Kế hoạch năm	1
2 Mô tả Chương trình	2
2.1 Mục tiêu và mục đích của Chương trình.....	2
2.2 Các cấu phần của Chương trình	2
2.3 Các đầu ra được hoạch định	4
2.4 Chiến lược thực hiện	5
2.5 Các hoạt động, lịch trình thực hiện và nguồn lực chính.....	6
3 Đánh giá về tiến độ và hiệu quả đạt được	10
3.1 Các thành quả chiếu theo các lĩnh vực kết quả then chốt	10
3.2 Các vấn đề đáng lưu ý.....	20
3.3 Các đề nghị điều chỉnh so với thiết kế chương trình	20
4 Kế hoạch hoạt động cho kỳ 7/2005 - 6/2006	22
4.1 Chiến lược Chương trình.....	22
4.2 Lịch trình về các hoạt động và nguồn lực	24
4.2.1 Lịch trình các hoạt động	24
4.2.2 Lịch trình các nguồn lực	27
4.2.3 Bố trí nhân sự trong Chương trình	28
4.3 Đầu vào đối tác chính quyền	29
4.4 Phối hợp chương trình.....	30
5 Kinh phí hoạt động	32
5.1 Kinh phí bên Chính phủ Ô-x-trây-li-a (GOA)	32
5.2 Kinh phí bên Chính phủ Việt Nam (GOV)	37
6 Khung Theo dõi & Đánh giá	39

CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các chỉ báo theo dõi đầu ra theo phạm vi cấp xã và cấp huyện	4
Bảng 2: Hoạt động Chương trình được hoạch định cho kỳ 07/2005 - 06/2006..	24
Bảng 3: Bố trí về Chuyên gia Chương trình cho kỳ 07/2005 - 06/2006	28
Bảng 4: Tổng hợp chi tiêu từ ngân quỹ GOA – các Năm 1, 2 và 3 (\$A).....	33
Bảng 5: Tổng hợp ngân sách GOA (A\$).....	34
Bảng 6: Lưu chuyển tiền mặt bên GOA (A\$'000)	34
Bảng 7: Tổng hợp chi tiêu bên GOV - Năm 1 và Năm 2 (VN đồng)	37
Bảng 8: Tổng hợp ngân sách GOV dành cho Chương trình (A\$/tr. đồng)	38

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tổng hợp phân bổ nguồn lực bên Chính phủ Ôx-trây-lia
Phụ lục 2: Kế hoạch phân bổ chi phí bên Chính phủ Ôx-trây-lia
Phụ lục 3: Kế hoạch lịch trình thực hiện
Phụ lục 4: Tổng hợp về bố trí nhân sự
Phụ lục 5: Tổng hợp về kế hoạch mua sắm trang bị
Phụ lục 6: Định hướng Đầu ra, Kế hoạch và Chi phí về Nâng cao năng lực
Phụ lục 7: Tổng hợp về Ngân quỹ ứng trước (Imprest Funds)
Phụ lục 8: Các Nội dung tham chiếu đầu vào Chuyên gia ngắn hạn
Phụ lục 9: Sơ đồ Ban Quản lý Chương trình
Phụ lục 10: Lịch trình theo dõi hoạt động
Phụ lục 11: Ngân sách truyền thông
Phụ lục 12: Tiến độ chương trình (mục đích, đầu ra và hoạt động)
Phụ lục 13: Khung thay đổi
Phụ lục 14: Matrix quản lý rủi ro
Phụ lục 15: Các mục chi phí thường kỳ
Phụ lục 16: Matrix Khung Logic RUDEP

Từ viết tắt

ACIAR	Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Ôx-trây-liá
AG	Các nhóm hoạt động hộ gia đình
AMC	Nhà thầu quản lý Ôx-trây-liá
AP	Kế hoạch hàng năm
APD	Giám đốc chương trình phía Ôx-trây-liá
ASAS	Quỹ hỗ trợ các dự án nhỏ của Ôx-trây-liá
ATL	Trưởng đoàn Ôx-trây-liá
AusAID	Cơ quan phát triển quốc tế Ôx-trây-liá
BSP	Ngân hàng chính sách xã hội
CBRIP	Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn dựa vào cộng đồng (World Bank)
CBO	Chuyên viên nâng cao năng lực
CC	Trường cao đẳng cộng đồng
CCG	Nhóm tiếp xúc xã
CDP	Lập kế hoạch phát triển xã
CEMMA	Ban dân tộc và miền núi
CPC	Ủy ban nhân dân xã
CPMB	Ban quản lý dự án xã (cơ sở hạ tầng)
DARD	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn
DCG	Nhóm tiếp xúc huyện
DDO	Nhân viên phát triển huyện
DOET	Sở Giáo dục và đào tạo
DOFin	Sở Tài chính
DOF	Sở Thủy sản
DOH	Sở Y tế
DOHA	Sở Nội vụ
DOI	Sở Công nghiệp
DOLISA	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
DNRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DPC	Ủy ban nhân dân huyện
DPI	Sở Kế hoạch và Đầu tư
FCO	Chuyên viên tài chính và tín dụng
GAD	Giới và Phát triển
GIS	Hệ thống thông tin vùng địa lý
GOA	Chính phủ Ôx-trây-liá
GOV	Chính phủ Việt Nam
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
HH	Hộ gia đình
IEO	Chuyên viên cơ sở hạ tầng và môi trường
KRA	Lĩnh vực kết quả then chốt
M&E	Theo dõi và Đánh giá
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
M&E	Theo dõi và đánh giá
MEGO	Chuyên viên theo dõi và đánh giá

MFI	Thẻ ché tài chính vi mô
MIS	Hệ thống thông tin quản lý
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NGO	Tổ chức phi chính phủ
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
O&M	Vận hành và bảo dưỡng
PAEM	Phương pháp khuyến nông có sự tham gia
PAR	Cải cách hành chính công
PCC	Ban điều phối Chương trình
PCF	Quỹ tín dụng nhân dân
PDA	Cố vấn phát triển có sự tham gia
PDD	Tài liệu thiết kế chương trình
PEMM	Cẩm nang quản lý môi trường của Chương trình
PG	Chính quyền Tỉnh
PMU	Ban Quản lý Chương trình
PPC	Ủy ban nhân dân Tỉnh
PPP	Quy trình lập kế hoạch có sự tham gia
RUDEP	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
STA	Cố vấn ngắn hạn
TAG	Nhóm cố vấn chuyên môn
TBA	Thông tin chưa sẵn có
TOT	Tập huấn tập huấn viên
VBARD	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VND	Đồng Việt Nam (khoảng A\$1 = VND11,000)
VPD	Giám đốc Chương trình phía Việt Nam
VSCF	Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng địa phương
WU	Hội Phụ nữ

Các huyện và xã tham gia Chương trình

Chu kỳ	Năm tham gia Chương trình	Huyện	Xã
Chu kỳ 1	2002	Mộ Đức	Đức Phong
		Sơn Hà	Sơn Hải
		Sơn Tịnh	Tịnh Thọ
Chu kỳ 2	2003	Đức Phổ	Phổ Châu
		Nghĩa Hành	Hành Phước
		Tư Nghĩa	Nghĩa Thọ & Nghĩa Sơn
Chu kỳ 3	2004	Bình Sơn	Bình Minh
		Sơn Hà	Sơn Trung & Sơn Giang
Chu kỳ 4	2005	Ba Tơ	Ba Nam & Ba Lễ
		Minh Long	Long Sơn
		Sơn Tây	Sơn Mùa & Sơn Bua
		Tây Trà	Trà Trung & Trà Lãnh
		Trà Bồng	Trà Hiệp & Trà Lâm

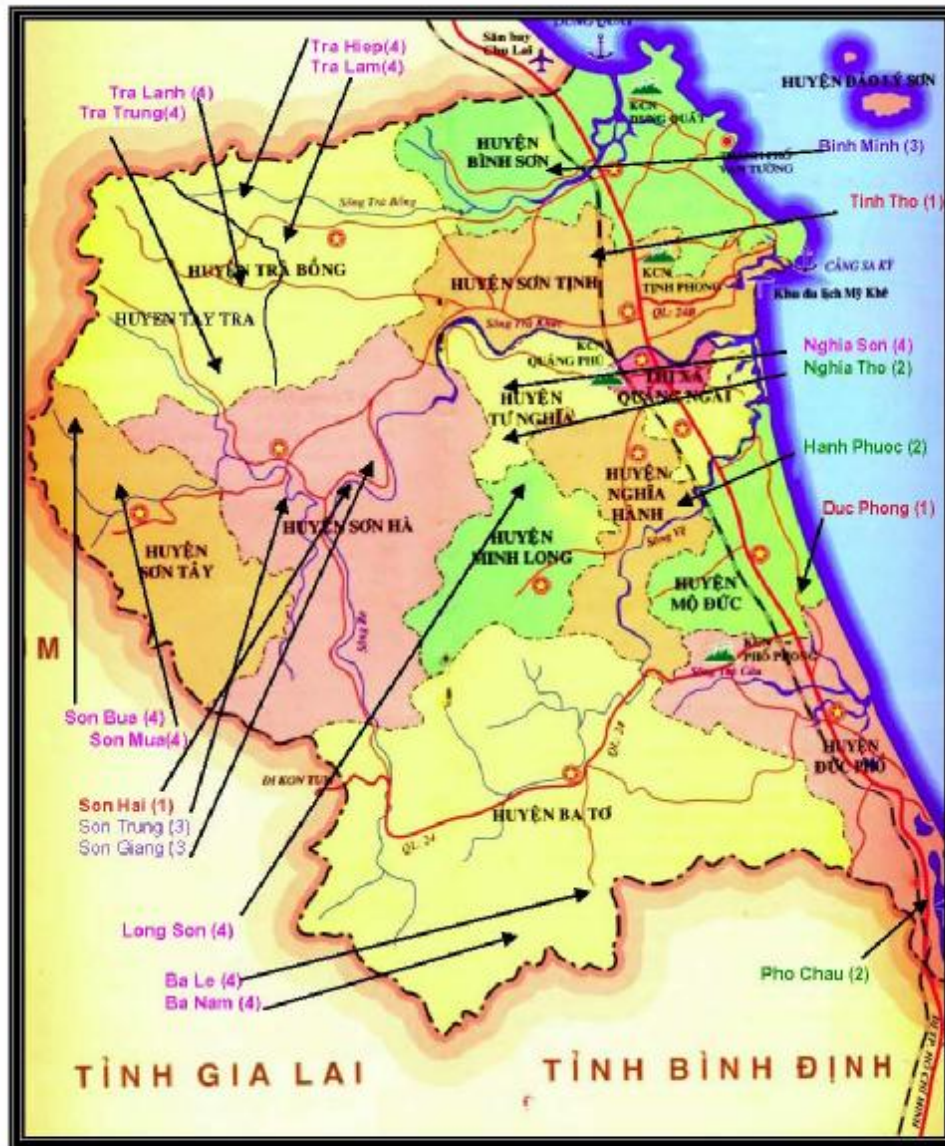
Ghi chú:

'Chu kỳ' chỉ chuỗi thứ tự các xã tham gia vào chương trình.

Tây Trà là một huyện mới được thành lập năm 2004, tách ra từ Huyện Trà Bồng..

Xã Nghĩa Sơn thuộc huyện Tư nghĩa tham gia chương trình vào năm 2005.

Bản đồ Tỉnh Quảng Ngãi và các xã huyện RUDEP



Indicates name of commune and bracketed number indicates entry cycle into Program.

Tổng quát

Bản Kế hoạch hàng năm (AP) này của Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) được soạn thảo cho kỳ từ 01/7/2005 đến 30/6/2006 và là năm thứ tư của Giai đoạn 2 của Chương trình.

Tổng ngân sách phía Chính phủ Ô-x-trây-li-a (GOA) cho năm kế hoạch này ước tính là 3.879.519 đô la Ô-x-trây-li-a, bao gồm nhân sự dài hạn (31%), nhân viên phát triển huyện (3), chuyên gia ngắn hạn (3%), mua sắm (1%), đào tạo tập huấn (2%), đi lại (1%) và các hoạt động (59%). Xét về cấu phần Chương trình, ngân sách được phân bổ như sau: Cấu phần 1 – tạo thu nhập (65%), Cấu phần 2 – cơ sở hạ tầng (18%), Cấu phần 3 – nâng cao năng lực (5%) và Cấu phần 4 – quản lý, theo dõi & đánh giá (12%). Phần vốn đối ứng từ Chính phủ Việt Nam cho năm kế hoạch này ước tính là 1.1 tỉ đồng (khoảng 100.000 đô la Ô-x-trây-li-a).

Kế hoạch hàng năm này cụ thể đề cập đến:

- Việc gắn kết RUDEP với các chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo của quốc gia (CPRGS) và với kế hoạch 5 năm kế tiếp cũng như các chương trình xóa đói giảm nghèo khác của chính phủ
- Một chiến lược địa phương hóa mà thúc đẩy, hỗ trợ và xây dựng năng lực về sở hữu các hoạt động RUDEP bởi cán bộ tỉnh, huyện và xã.
- Làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) để tạo điều kiện cho các cơ quan tương ứng gồm các chi phí thường xuyên vào trong ngân sách năm 2006 của họ cho các hoạt động RUDEP mà sẽ được chuyển giao hoặc cân bổ sung.
- Từng bước chuyển trọng tâm RUDEP từ quản lý đến những vấn đề ở cấp vĩ mô hơn nữa và chuyển giao việc quản lý vi mô đến các bên tham gia liên quan ở địa phương mà không làm ảnh hưởng đến hiệu quả và sự sáng tạo
- Một chiến lược trọng tâm hướng vào hộ nghèo mà chú trọng hơn nữa đến việc phát triển và mở rộng các phương án về hệ thống canh tác dựa vào nước trời dành cho hộ nghèo tại các xã miền núi
- Hỗ trợ việc tiến hành quy trình lập kế hoạch có sự tham gia (PPP) toàn diện tại hai huyện mà cho phép PPC thấy được các lợi ích và tính thực tiễn của việc lồng ghép các hệ thống và quy trình thủ tục hiện thời của Chính phủ Việt nam với một phương pháp tiếp cận như thế, và sau đó đồng ý về việc từng bước trải rộng PPP toàn diện ra mọi xã trong tỉnh.
- Hỗ trợ một quy trình thí điểm về giao đất lâm nghiệp có sự tham gia thí điểm (PFLAP) tại hai xã và thực hiện thêm tại 8 xã RUDEP.
- Hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch xã (bao gồm tín dụng, tạo thu nhập, sinh kế và cơ sở hạ tầng) tại 19 xã Chương trình trên 12 huyện.
- Chuyển giao cho các Nhóm tiếp xúc xã tại 19 xã đầy đủ trách nhiệm về thực hiện và tài trợ các kế hoạch năm của các nhóm hoạt động và các nhóm quỹ Tiết kiệm và Tín dụng.
- Cung cấp một chương trình nâng cao năng lực thực tiễn cho Nhóm tiếp xúc xã (CCG), Nhóm tiếp xúc huyện (DCG), và cán bộ chính quyền tỉnh về quy trình PPP toàn diện.
- Cung cấp một chương trình nâng cao năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ xã về quản lý việc thực hiện kế hoạch xã.

- Cung cấp một chương trình nâng cao năng lực thực tiễn cho các đơn vị cung cấp dịch vụ về các hệ thống canh tác và khuyến nông có sự tham gia.
 - Hỗ trợ một chương trình đào tạo thú y viên thực tiễn để cải thiện các dịch vụ thú y cho các nhóm hoạt động và các quỹ VSCF.
 - Tiếp tục phát triển các Hệ thống theo dõi & đánh giá (M&E) cho Ban quản lý Chương trình để quản lý và cải thiện chương trình, cho UBND các xã để quản lý và cải thiện việc thực hiện các kế hoạch xã; và cho các nhóm hoạt động hộ gia đình để quản lý và cải thiện việc thực hiện các kế hoạch hoạt động của họ.
 - Chiến lược truyền thông nhằm vào việc quảng bá chương trình cả trong và ngoài phạm vi tỉnh.
-

1 Phần giới thiệu

1.1 Xuất xứ, khái niệm và các bước chuẩn bị Chương trình

Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) là kết quả cuối cùng của một chuỗi các hội thảo và nghiên cứu chuẩn bị được uỷ thác bởi Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc (AusAID). Các hoạt động này khởi đầu vào năm 1997 và được thực hiện để xác định nội dung và đường lối cho một Chương trình nhằm đến giải quyết một cách bền vững về xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo việc làm, nâng cao bình đẳng giới, cải thiện việc bảo vệ môi trường và cơ sở hạ tầng chiến lược tại miền trung Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam (GOV) và AusAID đã chọn tỉnh Quảng Ngãi để hỗ trợ vì đây là tỉnh nghèo, có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước và ít nhận được các nguồn vốn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) hơn so với các tỉnh khác.

Chương trình khởi đầu tại Quảng Ngãi vào tháng 8 năm 2001. Văn kiện Thiết kế Chương trình (PDD), được hoàn thành vào tháng 9 năm 2002, là sản phẩm của 13 tháng công tác chuẩn bị được tiến hành trong suốt Giai đoạn 1 của Chương trình. PDD sau đó đã được đồng chấp thuận bởi chính phủ Ô-x-trây-li-a và chính phủ Việt Nam. Giai đoạn 2 của Chương trình bắt đầu từ tháng 10/2002 và có thời gian thực hiện là 5 năm. Giai đoạn 3 theo hoạch định của Chương trình, là giai đoạn mở rộng kéo dài thêm 4 năm.

1.2 Các cơ quan thực hiện chính

Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi (PPC) là chủ quản chương trình tại Tỉnh Quảng Ngãi và chỉ định Sở Kế hoạch và đầu tư (DPI) là cơ quan chủ trì cùng làm việc với RUDEP, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư là Giám đốc Chương trình phía Việt Nam và đồng Giám đốc trong Ban quản lý Chương trình (PMU). PPC cũng đã chỉ định các cán bộ đầu mối tại các cơ quan ban ngành chính của Tỉnh mà RUDEP sẽ làm việc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc và tăng cường quan hệ làm việc giữa RUDEP và các cơ quan. Các đơn vị này gồm: Trường Cao đẳng cộng đồng (CC), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD), Sở Giáo dục và đào tạo (DOET), Sở Tài chính (DOFin), Sở Thủy sản (DOF), Sở Y tế (DOH), Sở Công nghiệp (DOI), Sở Lao động, thương binh và xã hội (DOLISA), Sở Tài nguyên và môi trường (DNRE), Chi cục Thống kê (PSS), Kho bạc nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VBARD), Ngân hàng Nhà nước tỉnh (VSB) và Hội phụ nữ (WU). RUDEP cũng đã bắt đầu làm việc với Sở Nội vụ (DOHA) về nâng cao năng lực cho cán bộ xã.

1.3 Công việc soạn thảo Kế hoạch năm

Bản Kế hoạch hàng năm được Trường đoàn Ô-x-trây-li-a (ATL) xây dựng qua làm việc với Đồng Giám đốc Ban Quản lý Chương trình (PMU) – là Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI), Giám đốc Chương trình phía Ô-x-trây-li-a (APD) và các các nhân viên trong PMU. Kế hoạch đề cập đến các vấn đề sau:

- Văn kiện thiết kế Chương trình (PDD), kể cả Ma trận Khung Logic.
 - Các bài học kinh nghiệm từ Giai đoạn 1 và ba năm đầu của Giai đoạn 2.
 - Các thảo luận và các trao đổi đang tiếp diễn giữa Nhóm cố vấn, DPI và các bên tham gia liên quan khác.
 - Các ý kiến đề xuất từ Đợt đánh giá giữa kỳ (tháng 3 năm 2005) và các đại diện AusAID.
-

2 Mô tả Chương trình

RUDEP là một Chương trình 10 năm với nguồn vốn tài trợ từ Chính phủ Ô-x-trây-li-a khoảng 30 triệu đô la Úc và từ Chính phủ Việt Nam khoảng 3 triệu đô la Úc. Chương trình được hoạch định cho thực hiện theo ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1 kéo dài từ tháng 8/2001 đến tháng 10/2002 và là giai đoạn thiết kế Chương trình được thực hiện với chi phí là 2,6 triệu đô la Úc (tài trợ của Chính phủ Ô-x-trây-li-a).
- Giai đoạn 2 là giai đoạn thực hiện đầu tiên và sẽ kéo dài trong 5 năm, từ tháng 10/2002 đến tháng 10/2007 với nguồn kinh phí hoạt động ước tính 16,2 triệu đô la Úc (GOA A\$14.7 million and GOV A\$1.5 million).
- Giai đoạn 3 sẽ là giai đoạn mở rộng chương trình, kéo dài từ tháng 10/2007 đến tháng 10/2011 với ngân sách 14 triệu đô la Úc. (GOA A\$12.7 million and GOV A\$1.3 million).

2.1 Mục tiêu và mục đích của Chương trình

Mục tiêu của Chương trình là góp phần vào phát triển nông thôn, quản lý nhà nước và giảm nghèo tại các xã được lựa chọn trong Tỉnh Quảng Ngãi.

Mục đích là nâng cao khả năng các hộ gia đình nghèo tại các xã lựa chọn tại Tỉnh Quảng Ngãi nhằm cải thiện sinh kế bền vững thông qua sự gia tăng thu nhập trong khuôn khổ rủi ro của người nghèo.

2.2 Các cấu phần của Chương trình

RUDEP có 4 cấu phần hoạt động là:

1. **Tạo thu nhập nông thôn khởi xướng từ hộ gia đình:** để trợ giúp các hộ gia đình cải thiện các hoạt động tạo thu nhập hiện thời cũng như du nhập những hoạt động mới cả về nông nghiệp và phi nông nghiệp, nhằm sử dụng các nguồn lực hiệu suất hơn nữa; áp dụng các kỹ thuật và công nghệ hiện đại phù hợp; đa dạng hoá cơ sở thu nhập; đồng thời hỗ trợ cơ hội phát triển các ngành nghề vi mô. Cấu phần này hỗ trợ các hộ gia đình nhận biết, ưu tiên và giải quyết những trở ngại then chốt nhằm cải thiện việc tạo thu nhập của họ.
2. **Xây dựng cơ sở hạ tầng dựa trên địa bàn xã:** để góp phần vào việc xác định, tài trợ, xây dựng và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng trên địa bàn cấp xã giúp nâng cao đời sống và tạo điều kiện cho các hoạt động tạo thu nhập. Cấu phần này đặc biệt trọng tâm vào việc cung cấp các công trình hạ tầng quy mô nhỏ đáp ứng các nhu cầu của địa phương xã và hộ gia đình đã được xác định từ quy trình lập kế hoạch có sự tham gia.
3. **Nâng cao năng lực cấp xã, huyện và tỉnh:** để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng khác nhằm góp phần đáp ứng các nhu cầu lập kế hoạch và thực hiện Chương trình ăn khớp với các kế hoạch có sự tham gia của các cộng đồng nông thôn nghèo tại các cấp tỉnh, huyện và xã. Cấu phần này nhằm vào việc củng cố năng lực của các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan khác để có được sự hỗ trợ phù hợp, kịp thời và có hiệu quả cho các hộ gia đình và các xã trong quá trình lập và thực hiện các kế hoạch hàng năm được định hướng theo nhu cầu.
4. **Quản lý, theo dõi và đánh giá chương trình:** để quản lý, theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình một cách hiệu suất và có hiệu quả. đảm bảo rằng các nguồn

lực chương trình được quản lý đạt hiệu suất và hiệu quả và các bên tham gia liên quan ở mọi cấp đều sở hữu các sáng kiến của Chương trình để tăng thu nhập và xoá đói giảm nghèo nông thôn một cách bền vững.

2.3 Các đầu ra được hoạch định

Chương trình đã xác định 4 Lĩnh vực kết quả then chốt mà Chương trình sẽ tác động, đó là: sự trao quyền, thu nhập gia tăng, đời sống cải thiện và sự bền vững. Bảng 1 dưới đây trình bày những chỉ báo đồng hành với các Lĩnh vực kết quả then chốt này tại cấp đầu ra. Hàng năm Chương trình thu thập dữ liệu trên các chỉ báo này và xây dựng thành một chuỗi thời gian để giúp nhận biết các xu hướng. Dữ liệu và các biểu đồ liên quan đối với các chỉ báo này được trình bày ở Phụ lục 12.

Bảng 1: Các chỉ báo theo dõi đầu ra theo phạm vi cấp xã và cấp huyện

Lĩnh vực kết quả then chốt	Chỉ báo đầu	Chỉ báo sau
Sự trao quyền	<ul style="list-style-type: none"> Số hộ lữ kế tham gia vào các chu kỳ lập kế hoạch lặp lại Tỉ lệ hộ trong xã tham gia vào các quy trình lập kế hoạch Số kế hoạch hoạt động được lập và được tài trợ Số cán bộ chính quyền đáp ứng các tiêu chí về năng lực để hỗ trợ cho các quy trình lập kế hoạch có sự tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng quan niệm của người tham gia về năng lực của họ Số xã ngoài chương trình áp dụng theo quy trình lập kế hoạch có sự tham gia cho đầu tư phát triển
Đời sống cải thiện	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ hộ tham gia thuộc diện “hộ nghèo” theo tiêu chí của Sờ LD, TB&XH Địa điểm và quy mô công trình hạ tầng cấp xã được xây dựng Tỉ lệ công trình cơ sở hạ tầng cấp xã do Chương trình hỗ trợ được báo cáo là đang sử dụng và được duy tu bảo dưỡng Tỉ lệ hộ áp dụng theo các gói kỹ thuật đã được trình diễn Số mô hình chăm sóc sức khỏe phụ nữ được thực hiện Số người trong các hộ tham gia thường di cư làm ăn theo mùa 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng trong quan niệm của người tham gia về đời sống của họ Tỉ lệ thanh thiếu niên ở độ tuổi trung học đang đi học Các xu hướng trong các chỉ báo về tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em
Thu nhập được gia tăng	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ hộ tham gia chương trình bị nợ quá hạn vốn vay từ VSCF và Tín dụng thể chế Số mô hình trình diễn được thực hiện tính theo loại và theo địa điểm Địa điểm và mức độ các gói kỹ thuật hoàn chỉnh được áp dụng theo 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng về thu nhập thực tế của hộ tại các xã tham gia theo báo cáo Xu hướng quan niệm của người tham gia về thu nhập hộ gia đình của họ Sự thay đổi về quy mô của các Quỹ Hoạt động do người tham gia Chương trình quản lý
Sự bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Tỉ lệ nguồn ngân sách thực hiện các kế hoạch hoạt động lấy từ những nguồn bên ngoài kinh phí Chương trình Tỉ lệ nguồn ngân sách thực hiện các kế hoạch cơ sở hạ tầng cấp xã lấy từ bên ngoài Chương trình Tỉ lệ các ngân sách về nâng cao năng lực lấy từ nguồn ngoài Chương trình Tỉ lệ hộ tham gia tốt nghiệp đối với tín dụng định chế 	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng quan niệm của người tham gia về sự bền vững Tỉ lệ các nhóm hộ tốt nghiệp về soạn thảo các kế hoạch hàng năm một cách độc lập Tỉ lệ ngân sách thực hiện Kế hoạch hoạt động là nguồn của người tham gia

Phụ lục 10 đưa ra một tổ hợp các chỉ báo và chỉ tiêu theo dõi hoạt động và các chỉ báo và chỉ tiêu này sẽ được sử dụng như một công cụ quản lý để đo lường sự tiến triển đồng thời nhận biết các lĩnh vực trở ngại tiềm tàng trong quá trình thực hiện.

2.4 Chiến lược thực hiện

Chiến lược thực hiện chương trình đến nay được dựa trên các yếu tố then chốt sau:

- **Sự tham gia:** Đây là một quy trình tổng thể liên quan đến mọi bên tham gia trong các quy trình tạo thu nhập và phát triển nông thôn. Nó là một đường lối tiếp cận kết hợp đối với toàn bộ quá trình hoạch định về phát triển nông thôn trong đó các bên tham gia cùng liên kết với nhau để triển khai và thực hiện các chương trình và kế hoạch đã được thống nhất.
- **Nâng cao năng lực trọng tâm:** Hoạt động này bao gồm nâng cao năng lực hộ nghèo, các bên cung cấp dịch vụ và cán bộ chính quyền ở mọi cấp; đồng thời đánh giá về kiến thức và sự nhận biết các dịch vụ nâng cao năng lực cần thiết để tối ưu hoá các kết quả từ các hoạt động tạo thu nhập.
- **Các Quỹ tiết kiệm và tín dụng địa phương:** các quỹ này được sử dụng để “tái sinh” sự trợ giúp được tài trợ bởi Chương trình. Chương trình sẽ khuyến khích các nhóm hộ gia đình lập thành các quỹ tiết kiệm và tín dụng địa phương dựa trên nhu cầu tín dụng. Vốn sẽ được các thành viên trong nhóm sử dụng lại cho việc phát triển các hoạt động mở rộng và đang tiếp diễn. Vốn cũng sẽ được các thành viên trong nhóm sở hữu sau hai năm hoạt động thành công.
- **Các nhóm hoạt động hộ gia đình:** Mọi hoạt động Chương trình đều được thực hiện thông qua các Nhóm hoạt động với những yêu cầu con số tối thiểu về hộ nghèo và phụ nữ tham gia trong nhóm. Thông qua các nhóm này, hộ thành viên trong nhóm sẽ đạt được kinh nghiệm về lập kế hoạch, truyền thông giao tiếp, lập ngân sách, các kỹ thuật mới, làm việc với các đơn vị cung cấp dịch vụ, hoạt động thị trường, v.v. Các nhóm cung cấp một cơ chế cho việc học tập và áp dụng/ du nhập kỹ thuật của nhóm. Điều này sẽ xây dựng niềm tin cho các thành viên trong nhóm và đưa đến sự trao quyền mạnh mẽ hơn nữa.

Hiện nay Chương trình hoạt động trên toàn 12 huyện đất liền và cụ thể là ở 19 xã (14 xã miền núi và 5 xã đồng bằng). Chiến lược là để tác động đến UBND của toàn bộ các huyện thông qua làm việc tại ít nhất mỗi huyện là một xã. Nhận thấy rằng đây có thể là một cách tạo tác động lên tỉnh có hiệu quả hơn thay vì tập trung mọi nỗ lực vào chỉ một hoặc hai huyện như phần lớn các dự án phát triển nông thôn khác tại Việt Nam.

Về sắp xếp nhân lực, Chương trình sử dụng:

- Các cố vấn người Ô-x-trây-li-a để giới thiệu các ý tưởng, cách tiếp cận và kỹ thuật mới.
- Các Nhân viên chuyên môn người Việt về Tiết kiệm và Tín dụng, nâng cao năng lực, cơ sở hạ tầng và M&E để hỗ trợ cán bộ chính quyền thực hiện các hoạt động Chương trình.
- Các nhân viên phát triển huyện (DDO), mỗi DDO được phân công về một huyện để xúc tiến việc thực hiện Chương trình.
- Các chuyên gia ngắn hạn người trong nước và quốc tế để phát triển hoặc thực hiện những nhiệm vụ công việc cụ thể liên quan đến việc thực hiện Chương trình.

Đợt đánh giá giữa kỳ vừa qua của Chương trình (tháng 3/2005) đã khuyến nghị rằng Chiến lược Chương trình cần điều chỉnh/ mở rộng để mang lại một chương trình chính phủ bền vững về phát triển nông thôn có sự tham gia dẫn đến giảm nghèo bền vững. Cụ thể là, đợt đánh giá đã đề xuất rằng Chương trình cần chú trọng ngay đến các lĩnh vực sau:

- **Sự địa phương hóa:** từng bước chuyển giao quyền sở hữu và trách nhiệm từ Ban quản lý Chương trình đến Chính quyền tỉnh (PG), các cơ quan ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và các xã (DPCs và CPCs) về các quy trình phát triển và lập kế hoạch có sự tham gia hiện đang được sử dụng bởi RUDEP. Việc này bao gồm chuyển giao việc quản lý vi mô đến các bên liên quan tại địa phương mà không làm ảnh hưởng đến hiệu quả và sự sáng tạo.
- **Trọng tâm vào hộ nghèo:** đảm bảo rằng RUDEP tiếp tục được gắn kết với Chiến lược toàn diện của quốc gia về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (CPRGS) và trong tâm nhiều hơn nữa vào giảm nghèo, đặc biệt là với hộ nghèo ở các xã miền núi.

2.5 Các hoạt động, lịch trình thực hiện và nguồn lực chính

Các hoạt động Chương trình đã được xác định trong khung logic của PDD được trình bày dưới đây. Lịch trình dự tính đối với việc thực hiện và sử dụng nguồn lực vẫn căn cứ theo PDD.

1. Cấu phần: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình: Trợ giúp hộ gia đình cải thiện các hoạt động tạo thu nhập hiện thời và du nhập các hoạt động tạo thu nhập mới cả về nông nghiệp và phi nông nghiệp trong phạm vi nguồn lực mà họ sẵn sàng cam kết, nhằm:

- sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả hơn nữa;
- áp dụng các kỹ thuật và công nghệ hiện đại;
- đa dạng hoá cơ sở thu nhập; và
- hỗ trợ cơ hội phát triển đối với các ngành nghề vi mô.

1.1. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực để tham gia tích cực vào các quy trình lập kế hoạch hoạt động.

- 1.1.1. Các hội thảo/ hội nghị chuyên đề dành cho các đối tượng tham gia liên quan để nâng cao năng lực phục vụ cho các quy trình có sự tham gia.
- 1.1.2. Các cuộc họp lập kế hoạch thôn với các đại diện hộ gia đình.

1.2. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động tạo thu nhập phù hợp xét theo các khía cạnh kỹ thuật, giới, và môi trường; cũng như các phương án lựa chọn cho các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp và xác định các nguồn tài trợ cho các thiếu hụt về tài chính.

- 1.2.1. Lập kế hoạch, định thời biểu và tiến hành quy trình lập kế hoạch có sự tham gia hàng năm với cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và hộ tham gia.
- 1.2.2. Lồng những bài học kinh nghiệm (cả những nguồn hỗ trợ và tín dụng được xác định) từ những lần lặp đi lặp lại trước của quy trình lập kế hoạch có sự tham gia vào việc lập kế hoạch và quản lý các hoạt động tạo thu nhập.

1.3. Đầu ra: Các bên tham gia có năng lực thực hiện các hoạt động sinh lợi và tạo thu nhập góp phần đa dạng hoá đời sống sinh kế, kích thích thành phần dịch vụ, và vận dụng thích đáng về kỹ thuật, quản lý tài chính và các nguồn tín dụng.

- 1.3.1. Thực hiện các mô hình trình diễn từ một loạt các lựa chọn gồm nông lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, và các dịch vụ phi nông nghiệp nêu bật nhu cầu về các dịch vụ/ những nhà cung cấp dịch vụ đồng hành để trợ giúp việc du nhập và nhân rộng các hoạt động tạo thu nhập.

- 1.3.2. Hình thành các nhóm hỗ trợ liên quan đến các hoạt động đẩy mạnh kiến thức & dịch vụ về hoạt động thị trường, quản lý dịch hại, các kỹ thuật và dịch vụ tín dụng phù hợp.
- 1.3.3. Xác định và tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng những nguồn tín dụng thích hợp bao gồm việc phát triển các quỹ hoạt động tự quản.
- 1.3.4. Tập huấn trọng tâm cho các bên cung cấp dịch vụ khi cần.
- 1.3.5. Các chuyến tham quan học hỏi và tập huấn thực nghiệm cho nông hộ.
- 1.3.6. Hướng dẫn các nhóm đảm đương thêm trách nhiệm về tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động đang tiếp diễn và hướng đến tốt nghiệp.

1.4. Đầu ra: Các bên tham gia rút ra các bài học từ quá trình thực hiện và phản ánh chúng trong các kế hoạch hoạt động hàng năm kế tiếp do họ soạn thảo.

- 1.4.1. Giúp các hộ trong nhóm hoạt động xây dựng quy trình lập kế hoạch hàng năm dựa trên kết quả điều tra/ phân tích/ giải quyết vấn đề (PC/PA/PS), rà soát tiến độ với kế hoạch hiện thời, các hoàn cảnh đã thay đổi và các cơ hội mới.
- 1.4.2. Phát triển cơ sở dữ liệu Chương trình và các phân tích dữ liệu, theo dõi các hoạt động và các quỹ hoạt động.
- 1.4.3. Thiết lập và sử dụng các quỹ hoạt động hoặc các cơ chế khác, và các nguồn tín dụng hỗ trợ người nghèo.
- 1.4.4. Tiến hành các khảo sát như là một phần trong quy trình PC/PA/PS hàng năm của các nhóm hoạt động hộ để đánh giá các quan niệm về những lợi ích từ quy trình lập kế hoạch có sự tham gia (PPP) về tạo thu nhập và nâng cao đời sống.
- 1.4.5. Hướng dẫn các nhóm ngày càng hợp nhất vào các nhóm phát triển được định hướng theo thôn với các kế hoạch phát triển thôn bản hàng năm trên cơ sở tự lực từ nguồn vốn tích lũy trong quỹ hoạt động hoặc từ nguồn khác.
- 1.4.6. Các kế hoạch cụ thể dựa trên nhu cầu, bài học kinh nghiệm, và chiến lược truyền thông được soạn thảo cho các hoạt động khả thi và đệ trình lên các cơ quan tài trợ liên quan.
- 1.4.7. Xây dựng và rà soát cẩm nang hoạt động và các tiêu chí, hướng dẫn hoạt động.

2. Cấu phần: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã: để góp phần vào việc xác định, tài trợ, xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ trên địa bàn cấp xã định hướng theo cộng đồng nhằm nâng cao đời sống và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tạo thu nhập.

2.1. Đầu ra: cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được hoạch định và thực hiện.

- 2.1.1. Các mục cơ sở hạ tầng nông thôn được các hộ trong xã xác định.
 - 2.1.2. Các mục cơ sở hạ tầng được thiết kế và giải trình dựa trên các quy định hướng dẫn Chính phủ Úc và Chính phủ Việt nam về mua sắm trang bị.
 - 2.1.3. Các mục cơ sở hạ tầng nông thôn được xây dựng kèm theo kế hoạch vận hành và duy tu bảo dưỡng (O&M).
 - 2.1.4. Đánh giá cơ sở hạ tầng có sự tham gia bởi các hộ hưởng lợi và theo quy trình của các cấp chính quyền xã, huyện và tỉnh.
-

- 2.1.5. Tìm kiếm và thu hút các nguồn lực ngoài chương trình để hỗ trợ việc xây dựng và vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng theo các kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt của Chương trình.
- 2.1.6. Cơ sở hạ tầng nông thôn được chính quyền nghiệm thu và được bàn giao.
- 2.1.7. Tập huấn về việc lập tờ trình cơ sở hạ tầng có sự tham gia và thiết kế hoạt động.

2.2. Đầu ra: cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được đưa vào sử dụng và được duy tu bảo dưỡng.

- 2.2.1. Đội ngũ cán bộ xã được huấn luyện về vận hành và duy tu bảo dưỡng có sự tham gia cho các hoạt động cơ sở hạ tầng được hỗ trợ qua Chương trình.
- 2.2.2. Các kế hoạch bảo dưỡng và các bố trí vận hành cho cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ do Chương trình hỗ trợ được phê duyệt.
- 2.2.3. Theo dõi vận hành và bảo dưỡng, số hộ sử dụng cơ sở hạ tầng, các hưởng lợi của hộ theo chỉ báo, sự kết hợp giữa sự hưởng lợi và sự đóng góp của hộ gia đình, vận hành và duy tu bảo dưỡng.

2.3. Đầu ra: Các bên tham gia rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện, vận hành và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và phản ánh chúng vào các kế hoạch cơ sở hạ tầng kế tiếp.

- 2.3.1. Điều chỉnh có sự tham gia các chiến lược thông qua việc vận dụng các bài học thu thập từ việc đánh giá cơ sở hạ tầng bởi hộ hưởng lợi và từ quy trình đánh giá cơ sở hạ tầng của chính quyền tỉnh, huyện, và xã.
- 2.3.2. Áp dụng các bài học đã thu lượm được để cải thiện sự tiếp cận các nguồn lực ngoài chương trình nhằm giúp tài trợ các kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt của Chương trình.

3. Cấu phần: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng khác để góp phần đáp ứng các nhu cầu lập kế hoạch và thực hiện của Chương trình được gắn liền vào các kế hoạch có sự tham gia của các cộng đồng nông thôn nghèo ở cấp tỉnh, huyện và xã.

3.1. Đầu ra: Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng có năng lực và động lực tích cực hỗ trợ sự hoạch định có sự tham gia của Chương trình và sự thực hiện hoạt động bởi các xã và các nhóm hộ.

- 3.1.1. Hợp tác xây dựng/ thích nghi và thông tin quy trình hoạt động để hỗ trợ quy trình lập kế hoạch có sự tham gia bởi các xã và các nhóm hộ. Rà soát và nhất trí những thay đổi về các mô tả công việc của người tham gia là cán bộ chính quyền nếu cần. Xác định các tiêu chí để dựa theo đó có thể đánh giá được năng lực hỗ trợ.
 - 3.1.2. Phối hợp việc thành lập các nhóm tiếp xúc tỉnh, huyện và xã và nâng cao năng lực của các nhóm tiếp xúc để họ có thể tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động của Chương trình.
 - 3.1.3. Giúp các bên hỗ trợ xác định các nhu cầu cần được đào tạo tập huấn của họ để đáp ứng các yêu cầu cần hỗ trợ của người tham gia Chương trình.
 - 3.1.4. Huấn luyện các bên hỗ trợ theo các nhu cầu và các quy trình hoạt động đã được xác định.
-

3.1.5. Đánh giá sự thực hiện công việc của các bên hỗ trợ dựa trên các tiêu chí được đề cập ở mục 3.1.1, và xác định các cơ hội cải thiện cho lần huấn luyện kế tiếp.

3.2. Đầu ra: Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tham gia Chương trình có năng lực nhận biết và thu hút các nguồn tài trợ ngoài Chương trình và những nguồn lực khác để đáp ứng các nhu cầu trong những kế hoạch hoạt động được soạn thảo với các cộng đồng nông thôn nghèo.

3.2.1. Thực hiện việc phân tích các tổ chức về mặt thể chế mà có thể hỗ trợ việc soạn thảo có sự tham gia và tài trợ thực hiện các kế hoạch hoạt động hàng năm.

3.2.2. Giúp các bên tham gia của Chương trình soạn thảo các tờ trình xin tài trợ và những nguồn lực khác để hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch hoạt động hàng năm.

3.2.3. Theo dõi tình hình phê duyệt hồ sơ xin tài trợ bởi các đối tác đầu tư và thông báo tình hình cho các xã và nhóm hộ gia đình tham gia.

4. Cấu phần: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình: Quản lý, theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình đạt hiệu suất và hiệu quả.

4.1. Đầu ra: Chương trình được thực hiện một cách thành công theo tiến độ và nằm trong phạm vi ngân sách.

4.1.1. Ban Quản lý Chương trình hoạt động.

4.1.2. Các thủ tục được văn bản hoá.

4.1.3. Các kế hoạch hàng năm được phê duyệt.

4.1.4. Chiến lược truyền thông được thực hiện.

4.1.5. Các hệ thống theo dõi và đánh giá được thiết lập và hoạt động có hiệu quả.

4.1.6. Chiến lược kết thúc và chuyển giao được thực hiện thành công.

4.2. Đầu ra: Các đối tác bên chính phủ Việt Nam ở các cấp nhà nước, tỉnh, huyện và xã có ý thức sở hữu trong Chương trình và tích cực đồng định hướng việc thực hiện.

4.2.1. Trưởng đoàn Ôx-trây-lia (ATL) và các thành viên trong đoàn tích cực thông tin và gắn kết với các đối tác hoạt động.

4.2.2. Cán bộ đối tác tích cực thực hiện các vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2.3. Các cuộc họp thường kỳ Ban điều phối chương trình được hoạch định và tổ chức.

3 Đánh giá về tiến độ và hiệu quả đạt được

3.1 Các thành quả chiếu theo các lĩnh vực kết quả then chốt

Chương trình đã đạt được các kết quả sau chiếu theo các hoạt động được lập kế hoạch cho năm 2004/2005:

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
Cấu phần 1: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình		
<p>1.1</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực để tham gia tích cực vào các quy trình lập kế hoạch hoạt động.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn hướng dẫn viên cuộc họp và các thành viên Nhóm tiếp xúc xã CCG để tiến hành các cuộc họp lập kế hoạch có sự tham gia. - Tập huấn thành viên CCG về các vấn đề phát triển nông thôn bao gồm sự tham gia. - Tiến hành các cuộc họp lập kế hoạch tại 14 xã và xây dựng các kế hoạch xã. 	<ul style="list-style-type: none"> • Khoảng 350 hướng dẫn viên từ 19 xã đã được tập huấn về các kỹ năng PRA và kỹ năng dẫn dắt cuộc họp. Thêm 18 cán bộ khuyến nông và tài chính kế hoạch huyện cũng đã được tập huấn. • Cán bộ CCG từ 9 xã đã được tập huấn về phát triển nông thôn. • Các cuộc họp dân lập kế hoạch cấp thôn đã được tiến hành tại 19 xã vào tháng 4/ 2005.
<p>1.2</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động tạo thu nhập phù hợp xét theo các khía cạnh kỹ thuật, giới, và môi trường; cũng như các phương án lựa chọn cho các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp và xác định các nguồn tài trợ cho các thiếu hụt về tài chính.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập các nhóm hoạt động (AG) dựa trên kế hoạch xã liên quan đến 3 lĩnh vực: tạo thu nhập, hỗ trợ đời sống và cơ sở hạ tầng. - Hỗ trợ các nhóm hoạt động soạn thảo kế hoạch hoạt động theo đúng hướng dẫn trong đó bao gồm đầy đủ các vấn đề về kỹ thuật, giới và môi trường. - Các CCG phê duyệt các kế hoạch của nhóm hoạt động và trình các kế 	<ul style="list-style-type: none"> • 202 Nhóm hoạt động đã thành lập (107 Nhóm hoạt động về tạo thu nhập và 95 về hỗ trợ đời sống). • DDO đã làm việc với các Nhóm để lập các Kế hoạch hoạt động cho mọi nhóm tạo thu nhập và hỗ trợ đời sống. • Toàn bộ các Kế hoạch hoạt động đã được các CCG duyệt và trình lên DCG và RUDEP để phê duyệt.

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
	<p>hoạch này lên RUDEP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - RUDEP cung cấp kinh phí/ nguồn lực để giúp các nhóm thực hiện kế hoạch của họ. - Tiến hành các cuộc họp thường kỳ với các nhóm hoạt động và hộ gia đình để thảo luận về tiến độ và các vấn đề, và các hoạt động đang tiếp diễn theo kế hoạch. - Đảm bảo có sự hoàn tất về đánh giá tác động môi trường đối với mỗi hoạt động tạo thu nhập/ hỗ trợ đời sống. 	<ul style="list-style-type: none"> · RUDEP đã cung cấp kinh phí cho các chuyến tham quan học hỏi và vật tư và dụng cụ và đã lập và ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện các nội dung về trình diễn và tập huấn trong các kế hoạch của nhóm hoạt động. · Các Nhóm hoạt động họp và tiến hành các sự kiện tập huấn của họ và đánh giá tiến triển. · Mỗi Kế hoạch hoạt động có bao gồm phần đánh giá tác động môi trường của hoạt động.
<p>1.3</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực thực hiện các hoạt động sinh lợi và tạo thu nhập góp phần đa dạng hoá đời sống sinh kế, kích thích thành phần dịch vụ, và vận dụng thích đáng về kỹ thuật, quản lý tài chính và các nguồn tín dụng.</p> <p>Action:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các nhóm hoạt động thực hiện các kế hoạch hoạt động bao gồm việc phát triển năng lực về kỹ thuật và hoạt động thị trường. - Dựa trên các kế hoạch của nhóm hoạt động, lập các hợp đồng dịch vụ hoạt động với các đơn vị cung cấp dịch vụ cấp tỉnh và cấp huyện để cung ứng các dịch vụ kỹ thuật cho các nhóm. - Hợp đồng với các cơ quan tỉnh và huyện để trình diễn các kỹ thuật phù hợp cho các nhóm hoạt động. - Tuyển dụng các chuyên gia ngắn hạn người trong nước để hỗ trợ công việc chương trình về đa dạng hoá thu nhập hộ gia đình và tăng năng lực sản xuất nông nghiệp. - Khởi xướng các quỹ VSCF cho các nhóm hoạt động tham gia trong tạo 	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ các hợp đồng về tạo thu nhập đều bao gồm các nội dung thị trường liên quan đến việc sản xuất của những loại hàng hoá cụ thể. • Tính đến 30 tháng 4, 44 hợp đồng với giá trị 1,9 tỉ đồng đã được ký với các đơn vị cung cấp dịch vụ cấp tỉnh và cấp huyện cũng như tư nhân. • Bên cạnh các cơ quan tỉnh và huyện, một đơn vị cung cấp dịch vụ tư nhân đã được hợp đồng, và thêm nhiều đơn vị nữa dự kiến vào tháng 5. • Chương trình sẽ dùng khoảng 9,5 tháng công đầu vào chuyên gia ngắn hạn người trong nước cho năm từ một con số là 10 tháng theo kế hoạch để hỗ trợ các hoạt động. • 52 trong 54 quỹ VSCF theo kế hoạch đề ra đã được thành lập và tập huấn.

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
	<p>thu nhập và tập huấn về quy chế quỹ, kế toán và hoạt động ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường các quỹ VSCF hiện thời bằng việc hỗ trợ về quản lý/ kế toán, lập kế hoạch vay vốn khả thi và kỹ thuật. - Đánh giá sự bền vững của các quỹ bằng việc nghiên cứu các phương án liên quan đến các quỹ tín dụng nhân dân, hội phụ nữ, NGO, các tổ chức tài chính vi mô, v.v. - Rà soát hoạt động các quỹ VSCF và tác động của chúng đối với các thành viên trong nhóm, đặc biệt xem xét những khác biệt giữa các thành viên nam giới và phụ nữ. - Đánh giá sự áp dụng theo những cách làm đã được trình diễn. 	<ul style="list-style-type: none"> • 44 quỹ VSCF hiện thời đã nhận được sự hỗ trợ và tập huấn tiếp diễn từ Hội phụ nữ và cán bộ Chương trình. • RUDEP đã nghiên cứu một loạt các phương án cho sự bền vững của các quỹ VSCF và hiện nay đang soạn thảo một kế hoạch hành động cụ thể sau khi có sự ban hành Nghị định 28 vào tháng 3. • Việc đánh giá các quỹ VSCF đã được tiến hành để xác định các vấn đề và các lợi ích. • Việc đánh giá các hoạt động trình diễn và sự áp dụng đã hoàn tất và báo cáo đã được soạn thảo.
<p>1.4</p>	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học từ quá trình thực hiện và phản ánh chúng trong các kế hoạch hoạt động hàng năm kế tiếp do họ soạn thảo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành quy trình lập kế hoạch/ đánh giá hàng năm với các nhóm hoạt động. - Tiến hành các khảo sát về quan niệm người hưởng lợi đối với những lợi ích của việc lập kế hoạch có sự tham gia để cải thiện tạo thu nhập và đời sống. - Tiếp tục thu thập dữ liệu đối với các nhóm hoạt động và các quỹ VSCF. - Tiến hành kiểm toán mọi quỹ VSCF. - Duy trì cơ sở dữ liệu Chương trình để theo dõi các hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Mỗi hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ cho một Nhóm hoạt động bao gồm phạm vi cho một hội thảo đánh giá để xác định những ưu và khuyết điểm của việc thực hiện. • Dữ liệu về quan niệm người tham gia đã được thu thập từ thành viên các Nhóm hoạt động và được trình bày tại Phụ lục 12. Tuy nhiên cần phải làm việc thêm nữa để cải tiến kỹ thuật sao cho nó đo lường quan niệm thật. Những giải pháp khác cũng đang được xem xét. • Việc thu thập dữ liệu về các hoạt động của Nhóm hoạt động và quỹ VSCF do DDO thực hiện đã tiếp tục và Hệ thống thông tin quản lý (MIS) của Chương trình đang được cập nhật hàng tháng khi DDO về dự các cuộc họp tháng. • Một đợt kiểm toán các quỹ VSCF đã được tiến hành vào

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
		tháng 11/2004 và báo cáo đã sẵn có. <ul style="list-style-type: none"> • Cơ sở dữ liệu của chương trình nay có thể thực hiện chức năng như một MIS cho phép việc quản lý hiệu quả hơn.
Cấu phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã		
2.1	cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được hoạch định và thực hiện. Hành động: <ul style="list-style-type: none"> – Thành lập nhóm hoạt động cơ sở hạ tầng cho mỗi hoạt động cơ sở hạ tầng. – Thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng được xác định trong Kế hoạch xã thuộc RUDEP. – Rà soát các hướng dẫn cơ sở hạ tầng để đảm bảo quy trình thiết kế, thông số, lên chi phí và hợp đồng đáp ứng đúng các yêu cầu theo Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ô-x-trây-li-a. – Đảm bảo có sự hoàn tất về đánh giá tác động môi trường đối với mỗi hoạt động cơ sở hạ tầng. – Tập huấn về lập tờ trình và thiết kế công trình cơ sở hạ tầng có sự tham gia. – Đảm bảo các kế hoạch O&M thích đáng đều được bao gồm trong các hồ sơ tờ trình và hỗ trợ các nhóm hoạt động/ CCG thực hiện các sắp xếp về O&M. – Trợ giúp việc soạn thảo các hồ sơ tờ trình xin các nguồn lực ngoài chương trình để hỗ trợ việc xây dựng và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng. 	<ul style="list-style-type: none"> • 24 Nhóm hoạt động đã được thành lập cho các công trình cơ sở hạ tầng tại 9 xã. • Tính đến tháng 4, chỉ một công trình hoàn thành và một đã bị hủy bỏ, và số 22 công trình còn lại thì sắp hoặc vừa hoàn tất khâu hợp đồng. • Các hướng dẫn cơ sở hạ tầng đã được rà soát và RUDEP đang soạn thảo chi tiết các yêu cầu cụ thể cho cơ sở hạ tầng mà không nằm trong quy chế về cơ sở hạ tầng, ví dụ trong cô bảo vệ bên các bờ taluy. • Các Đánh giá tác động môi trường đã được soạn thảo cho mỗi công trình. • Công việc tập huấn đã được tiến hành cho các thành viên trong các Ban quản lý công trình hạ tầng xã (CPMB) về các quy định và các yêu cầu về sự tham gia. • Đối với năm 04/05, các bên đồng ý rằng hợp đồng sẽ không được ký cho đến khi kế hoạch O&M của công trình đó được đệ trình và phê duyệt. • Chưa có cơ hội nào cho các tờ trình xin nguồn lực ngoài chương trình.

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
<p>2.2</p>	<p>Cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được đưa vào sử dụng và được duy tu bảo dưỡng.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn CCG/AG về soạn thảo các kế hoạch O&M bền vững và có hiệu quả với các trình tự hỗ trợ tài trợ đáng tin cậy. - Đánh giá và hướng dẫn các kế hoạch O&M được soạn bởi CCG/AG. 	<ul style="list-style-type: none"> • Một cẩm nang O&M mới đã được soạn thảo và việc tập huấn về cách sử dụng cẩm nang đã được tiến hành cho các CPMB. • Chuyên viên cơ sở hạ tầng/ môi trường đã hỗ trợ các CPMBs và các nhóm hoạt động soạn thảo các kế hoạch O&M phù hợp.
<p>2.3</p>	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện, vận hành và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và phản ánh chúng vào các kế hoạch cơ sở hạ tầng kế tiếp.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hiệu quả của các công trình cơ sở hạ tầng đối với các đối tượng hưởng lợi được chỉ định. - Thông tin về các bài học từ các hồ sơ tờ trình cho CCGs/DCGs/AGs . 	<ul style="list-style-type: none"> • 7 công trình đã được đánh giá và các kết quả được trình cho nhân viên Chương trình và cán bộ CCG và DCG. • Chưa có hồ sơ tờ trình nào khác được soạn thảo.
<p>Cấu phần 3: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã</p>		
<p>3.1</p>	<p>Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng có năng lực và động lực tích cực hỗ trợ sự hoạch định có sự tham gia của Chương trình và sự thực hiện hoạt động bởi các xã và các nhóm hộ.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập các CCG và DCG tại 5 xã/ huyện mới. - Tiến hành phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn (TNA) của CCG/DCG của Chu kỳ 3 và tổ chức xây dựng năng lực tương ứng và tiếp tục nâng cao năng lực cho các CCG/DCG thuộc Chu kỳ 1 và Chu kỳ 2. - Xây dựng năng lực cho các Nhân viên Phát triển huyện về các kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> • 5 DCG và 10 CCG đã được thành lập. • TNA hiện đang được thực hiện cho mọi CCG và DCG để trợ giúp kế hoạch nâng cao năng lực cho năm 05/06. TNA tiến hành vào tháng 6/04 đã được dùng để triển khai kế hoạch nâng cao năng lực cho năm 04/05, đa số các hoạt động của kế hoạch này hiện nay đã được thực hiện. • Dựa trên TNA của các DDO, họ đã tham gia vào một

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
	<p>ngành và kỹ năng phát triển nông thôn thông qua dẫn dắt, huấn luyện ngay tại công việc và tập huấn chính thức bởi các chuyên gia ngắn hạn và chuyên gia dài hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng năng lực các DDO và CCG, DCG và cán bộ tỉnh về xử lý, phân tích và sử dụng dữ liệu Theo dõi và Đánh giá. - Nâng cao năng lực các đơn vị cung cấp dịch vụ cấp tỉnh và cấp huyện để phục vụ cho các nhu cầu nâng cao năng lực trong Chương trình. 	<p>chương trình toàn diện gồm các khoá tập huấn, hội thảo, tham quan học hỏi, các cuộc họp thường kỳ và dẫn dắt công việc thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Với sự phát triển của Hệ thống thông tin quản lý (MIS), các DDO đã được tập huấn cách sử dụng MIS và RUDEP đã bắt đầu trình bày các dữ liệu MIS cho CCG và DCG và nâng cao nhận thức của họ về lợi ích của những thông tin như vậy. Công việc đã bắt đầu về một hệ thống M&E cho cấp huyện và cấp xã. • Công việc đã tiếp tục để xây dựng năng lực cho các đơn vị khuyến nông huyện và tỉnh và hội phụ nữ thông qua các khoá tập huấn, tham quan học hỏi và hỗ trợ từ cán bộ trường đại học.
<p>3.2</p>	<p>Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tham gia Chương trình có năng lực nhận biết và thu hút các nguồn tài trợ ngoài Chương trình và những nguồn lực khác để đáp ứng các nhu cầu trong những kế hoạch hoạt động được soạn thảo với các cộng đồng nông thôn nghèo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành phân tích các nhu cầu đào tạo tập huấn cho cán bộ và các đơn vị cung cấp dịch vụ về lập hồ sơ xin tài trợ và tổ chức nâng cao năng lực tương ứng. - Tiến hành phân tích về năng lực thể chế. - Hỗ trợ cán bộ chính quyền lập hồ sơ xin tài trợ từ bên ngoài. - Theo dõi tình hình phê duyệt các hồ sơ tờ trình bởi các cơ quan tài trợ và báo cáo tiến triển. 	<ul style="list-style-type: none"> • TNA đã được tiến hành cho mọi cán bộ và một số đơn vị cung cấp dịch vụ và các chương trình tập huấn phù hợp đã được tiến hành. • Biểu đồ năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ đã được lập mà dựa trên đó để tiến hành TNA. Đánh giá mức năng lực đạt được của cán bộ chính quyền hiện đang thực hiện. • Chưa có hồ sơ tờ trình xin tài trợ bên ngoài nào được soạn thảo.
Cấu phần 4: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình		
<p>4.1</p>	<p>Chương trình được thực hiện một cách thành công theo tiến độ và năm</p>	

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
	<p>trong phạm vi ngân sách.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện các hệ thống và thủ tục điều hành trong Ban quản lý và nâng cao năng lực cho nhân viên Ban quản lý. - Rà soát và điều chỉnh Quy chế Ban quản lý nhằm đảm bảo chúng đáp ứng các nhu cầu của Chương trình. - Hỗ trợ sự thành lập và đi vào hoạt động của Ban chỉ đạo tỉnh về các dự án ODA. - Soạn thảo Kế hoạch Năm và thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt. - Thực hiện chiến lược truyền thông và tiến hành rà soát định kỳ. - Soạn thảo các bản tin hàng quý về các hoạt động Chương trình và phân phối trong Quảng Ngãi cũng như đến các nhà tài trợ/ tổ chức quốc tế ở Việt Nam. - Duy trì trang Web của Chương trình. - Tiếp tục phát triển hệ thống Theo dõi và Đánh giá. - Tiếp tục phát triển Hệ thống Thông tin vùng địa lý. - Rà soát tài liệu quản lý rủi ro Chương trình và soạn thảo một phương 	<ul style="list-style-type: none"> • Các hệ thống lập kế hoạch được điều chỉnh dựa trên đầu ra hàng tháng dành cho nhân viên đã được đưa vào hoạt động. Nhân viên PMU đã tham gia tập huấn một cách phù hợp và dựa trên TNA và phát triển sự nghiệp của họ được xác định trong các lần quá trình đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên. • Quy chế hiện thời của PMU đã được điều chỉnh vào giữa năm 2004 và đang thực hiện tốt. • Một mô hình Nhóm Hợp tác các dự án ODA đã được đề nghị như một cách thay thế cho một ban chỉ đạo dự án chính thức để các đại diện không phải chính quyền có thể tham gia và sự đề nghị này đang đợi Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt. • Kế hoạch Năm 04/05 đã được soạn thảo và thực hiện. • Chiến lược truyền thông đã được thực hiện nhưng tính hiệu quả của nó chưa được đánh giá. • Các bản tin hàng quý đã được soạn thảo và phân phối và một danh mục địa chỉ thư đang được tổng hợp để phân phối bản điện tử bằng Tiếng anh của bản tin. • Trang Web của RUDEP đã đi vào hoạt động và được cập nhật hàng quý. • Hệ thống M&E đã tiếp tục phát triển với việc đưa vào hoạt động hệ thống MIS (phục vụ cho các mục đích quản lý và báo cáo), các nghiên cứu đánh giá đơn giản, kiểm tra chất lượng đầu vào dữ liệu, v.v. • Công việc về GIS chưa được thực hiện vì mọi người thống nhất cần trọng tâm vào M&E như một ưu tiên. • Tài liệu quản lý rủi ro sẽ được cập nhật căn cứ theo báo cáo của đợt Đánh giá giữa kỳ.

Đầu ra	Các hoạt động theo kế hoạch: 04/05	Tiến độ cập nhật (04/05)
	<p>pháp tiếp cận điều chỉnh về quản lý rủi ro/ lập kế hoạch dự phòng với nhân viên Ban quản lý Chương trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy Chủ trương về Giới của RUDEP trên toàn Chương trình. - Rà soát Cẩm nang quản lý môi trường và Chủ trương về môi trường của Chương trình và hỗ trợ việc áp dụng trên toàn Chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Một đợt phân tích về giới đã được tiến hành và báo cáo đã được lập và đầu vào chuyên gia ngắn hạn về giới và phát triển trong tháng 6 sẽ trợ giúp việc xây dựng một chiến lược về thúc đẩy sự bình đẳng thông qua chương trình. • Cẩm nang quản lý môi trường (PEMM) đã được điều chỉnh vào cuối năm 2004 và đang được dùng để đánh giá mọi hoạt động thực địa của chương trình. Tập huấn về các vấn đề môi trường đã được tiến hành cho nhân viên PMU và cán bộ CCG/DCG.
<p>4.2</p>	<p>Các đối tác bên chính phủ Việt Nam ở các cấp nhà nước, tỉnh, huyện và xã có ý thức sở hữu trong Chương trình và tích cực đồng định hướng việc thực hiện.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện sự phối hợp trong Ban quản lý Chương trình và với các cơ quan tỉnh và huyện liên quan. - Tiến hành các cuộc họp Ban điều phối Chương trình như đã hoạch định. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự phối hợp đã được tiếp tục để cải thiện trong PMU và RUDEP hiện nay đã tương đối có sự tiếp xúc trực tiếp với hầu hết các cơ quan ban ngành huyện và tỉnh. • Một cuộc họp Ban điều phối chương trình đã được tổ chức vào tháng 12/2004; cuộc họp thường kỳ kế tiếp được dự định vào tháng 6/ 2005.

Các vấn đề liên quan đến mỗi cấu phần được đề cập dưới đây:

Cấu phần 1: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình

Vấn đề: Mặc dù chúng tôi thừa nhận giá trị và hiệu quả của cách tiếp cận thực hiện theo Nhóm hoạt động và việc vận dụng trao quyền các Kế hoạch hoạt động của mỗi nhóm, điều này đòi hỏi vô cùng lớn về nguồn lực thời gian của cố vấn và nhân viên chương trình, đặc biệt là việc soạn thảo hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ để tổ chức thực hiện các hoạt động tập huấn, thử nghiệm và trình diễn. Hiện nay thì Chương trình đã lên đến 19 xã. Điều này sẽ rất khó cho Ban quản lý Chương trình thực hiện theo cách như đã làm trong năm 2004/2005. Vì thế việc chuyển sang địa phương hóa với việc ngân quỹ sẽ được chuyển giao cho UBND các xã để tài trợ cho các kế hoạch của Nhóm hoạt động sẽ là một nội dung làm việc trọng yếu trong năm 2005/2006, tuy nhiên điều này sẽ đòi hỏi UBND các xã phải được tập huấn và hướng dẫn rõ ràng nếu như họ phải đảm nhiệm vai trò mà Nhân viên phát triển huyện và các cố vấn đã thực hiện.

Việc thực sự đạt được kết quả nhằm đến hộ nghèo đã gặp khó khăn cụ thể là ở các xã đồng bằng nơi mà các mức độ nghèo là thấp hơn so với những vùng miền núi. Ở các xã đồng bằng này, nhiều hộ nghèo không tích cực về mặt kinh tế và các hoạt động tạo thu nhập của RUDEP là không phù hợp với họ. Nó cũng khó khăn hơn nữa đối với Nhân viên phát triển huyện và cán bộ nhóm tiếp xúc xã trong việc thuyết phục hộ nghèo tham gia vào các hoạt động vì họ muốn dành thời gian để kiếm thu nhập tức thời, đồng thời họ không có đủ tự tin để tương tác với những người dân trung bình hoặc giàu có hơn ở trong xã. Vì vậy RUDEP đã thiết đặt những mức tối thiểu về hộ nghèo làm thành viên trong các nhóm và, thông qua Hệ thống thông tin quản lý, chúng tôi nay có thể theo dõi sự tham gia của hộ nghèo trong mọi nhóm hoạt động. Sự theo dõi đều đặn thường xuyên là cần thiết nhằm nhắc nhở nhân viên chương trình và cán bộ các Nhóm tiếp xúc xã rằng RUDEP là một Chương trình giảm nghèo và vì vậy chương trình phải ưu tiên đối với hộ nghèo. Vẫn cần có những cách thức đổi mới nhằm đảm bảo hộ nghèo ở lại với chương trình và thực sự hưởng lợi từ những can thiệp của chương trình.

Vào tháng 3/ 2005, Chính phủ đã ban hành Nghị Định 28 về tài chính vi mô mà sẽ tác động đến hoạt động của các quỹ Tiết kiệm & Tín dụng địa phương (VSCF) thuộc Chương trình. Sẽ có một thời kỳ ân hạn 2 năm để toàn bộ các hoạt động tín dụng hiện thời sắp xếp tuân thủ theo Nghị định. Các Thông tư hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Nghị định hiện đang được soạn thảo và sẽ ban hành vào cuối năm nay. RUDEP đã bắt đầu xác định một chiến lược và phương hướng trong những tháng đến. Các phương án bao gồm việc tiến đến một Quỹ Tín dụng Nhân dân hoặc Hợp tác xã Tín dụng, hoặc xây dựng một tổ chức tài chính vi mô, hoặc cộng tác với một tổ chức phi chính phủ để xây dựng một tổ chức tài chính vi mô, hoặc vẫn giữ nguyên các quỹ VSCF được các thành viên sở hữu như hiện tại, hoặc từ bỏ đầu vào trong tương lai cho các quỹ VSCF và hỗ trợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VBARD) hay Ngân hàng Chính sách xã hội (BSP) cho hộ nghèo miền núi vay vốn.

Vì Chương trình đã bắt đầu làm việc tại các xã mới ở miền núi, chúng tôi thấy rằng có những xã không có đường tiếp cận trong mọi điều kiện thời tiết, và một số thôn không có đường tiếp cận bằng ô tô hoặc thậm chí bằng xe máy. Để vào các thôn này phải mất từ hai đến bốn giờ đi bộ và vì thế vấn đề mới đối với RUDEP sẽ là việc cung cấp dịch vụ đến các thôn xã vùng sâu vùng xa này. Cán bộ khuyến nông sẽ ngại làm việc tại những nơi này và sẽ khó khăn cho việc thực hiện bất kỳ kế hoạch hoạt động nào với người dân tại đây. Vì vậy, RUDEP cần phải xây dựng những giải pháp bền vững đối với các dịch vụ nhà nước thường xuyên mà có thể bao gồm việc phát triển những người có trình độ tại địa phương thành những khuyến nông viên tư nhân làm việc theo hợp đồng hoặc đào tạo cho các đại diện thôn thành những khuyến nông viên cấp thôn làm việc theo hợp đồng. Cho dù những phương án này chỉ có thể bền vững nếu như nông hộ chịu trả tiền cho các dịch vụ

sau khi chương trình rút đi, điều quan trọng là cần bắt đầu quá trình chuyển giao kỹ thuật tại những nơi này vì cấp độ nghèo ở đây là vô cùng lớn.

Cấu phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã

Vấn đề: Việc thiết kế và thực hiện cơ sở hạ tầng thuộc năm 04/05 đã tiến hành khá chậm và hợp đồng đầu tiên được ký vào tháng 4. Một trong những lý do của việc này là sự chú trọng nhiều hơn nữa của RUDEP đối với yêu cầu chất lượng và sự nhấn mạnh về các biện pháp nhằm đưa đến việc các công trình sẽ đòi hỏi ít công sức duy tu bảo dưỡng hơn và có độ bền sử dụng kéo dài lâu hơn. Đồng thời, đã có thông tư mới ban hành của Bộ xây dựng về các định mức chi phí mới đối với nhân công và máy, và vì vậy các chi phí đầu vào của mọi công trình cơ sở hạ tầng đã tăng lên. Thay vì quay lại từ đầu và thiết kế lại toàn bộ các công trình theo định mức chi phí mới, chúng tôi cho phép các dự án vẫn tiến hành như đã thiết kế và dùng các định mức mới để điều chỉnh lại các chi phí, phần phát sinh tăng thêm sẽ được lấy từ ngân sách dành cho cơ sở hạ tầng năm 2005/2006.

Cấu phần 3: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã

Vấn đề: RUDEP đã cố gắng phát triển một nguồn năng lực tại chỗ về tập huấn quản lý cho cán bộ các nhóm tiếp xúc xã và nhóm tiếp xúc huyện nhưng chưa đạt được thành công trong việc làm cho các cơ quan địa phương cam kết và có những kỹ năng cần thiết để thực hiện loại tập huấn này. Vì vậy, Chương trình đã tiếp tục sử dụng những tập huấn viên chi phí cao nhưng có chất lượng cao đến từ Hà Nội và Huế, là những người không chỉ thực hiện việc tập huấn đáp ứng theo chủ đề yêu cầu, mà còn trình diễn nhiều phong cách lựa chọn khác nhau về các phương pháp tập huấn. Chương trình sẽ tiếp tục nghiên cứu và phát triển nguồn năng lực tại chỗ cho khía cạnh này theo cách như đã từng làm về việc xây dựng năng lực cho Thú y và các đơn vị hội phụ nữ để thực hiện các tập huấn cho các quỹ VSCF.

Cấu phần 4: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình

Vấn đề: Hiện nay Hệ thống thông tin quản lý (MIS) của Chương trình đã đưa vào hoạt động, điều thiết yếu là Chương trình phát huy việc sử dụng MIS với các Nhân viên phát triển huyện, nhóm tiếp xúc xã, nhóm tiếp xúc huyện và Sở kế hoạch và đầu tư. Hiện nay hệ thống này đang được dùng để báo cáo và quản lý cấp cao nhưng công dụng của nó trong Ban quản lý Chương trình hiện đang tiến triển, rằng các Chuyên viên kỹ thuật đều có đường truy cập vi tính trực tiếp đến MIS và có thể truy lục dữ liệu từ hệ thống này ngay tại vị trí làm việc của họ.

3.2 Các vấn đề đáng lưu ý

Chương trình gặp phải vài vấn đề lớn trong năm qua mà đã ảnh hưởng không ít đến tiến độ thực hiện.

- Chất lượng của các đơn vị cung cấp dịch vụ: Hiện nay đối với các hoạt động tập huấn và khuyến nông, RUDEP làm việc với các cơ quan khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện. Bên cạnh một số cơ quan là tương đối tốt và thực hiện công tác tập huấn có sự tham gia với nông hộ đạt chất lượng hiệu quả, phần lớn đều hạn chế về kiến thức và kỹ năng khuyến nông có sự tham gia cũng như kiến thức chuyên môn về những cách làm phù hợp với nông hộ nghèo miền núi. Vì lý do này, RUDEP đã bắt đầu một chương trình nâng cao năng lực cho các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến nông về Phương pháp khuyến nông có sự tham gia (PAEM) và các hệ thống canh tác. Chương trình này sẽ xây dựng năng lực cho cán bộ khuyến nông và sẽ được tiếp tục qua hai năm kế tiếp. Một khía cạnh mà Chương trình sẽ vận dụng để bổ sung cho chương trình đào tạo đó là dùng những cán bộ có kinh nghiệm để dẫn dắt/ huấn luyện cán bộ khuyến nông nhằm giúp họ thực hiện những cái mà họ đã học trong các khoá tập huấn. Ngoài ra, hai kỹ năng then chốt khác đang được trang bị cho cán bộ khuyến nông là: phát triển kỹ thuật có sự tham gia (cán bộ khuyến nông cùng làm việc với nông hộ để xây dựng những kỹ thuật phù hợp với một nhóm người tại một địa điểm cụ thể) và soạn thảo các tài liệu khuyến nông phù hợp với đối tượng nông hộ ít biết chữ và những người không nói tiếng kinh (và không có ngôn ngữ viết). Công việc về nội dung này đã bắt đầu và sẽ là một trọng tâm chính của năm 05/06.
- Trọng tâm vào hộ nghèo: Làm việc với hộ nghèo là khó và đòi hỏi sự chuyên tâm thường xuyên nhằm đảm bảo nhân viên và cán bộ nhóm tiếp xúc xã theo đúng các quy trình hướng dẫn của chương trình và gồm hộ nghèo vào các hoạt động chương trình trên mức tối thiểu yêu cầu. Hiện nay hệ thống thông tin quản lý đã cho phép sự theo dõi này và chúng tôi có thể đảm bảo rằng các quy trình hướng dẫn đang được tuân theo. Tuy nhiên, điều này đã làm việc thực hiện chậm lại vì nó đã chứng minh là khó khăn hơn để thành lập các nhóm với mức tối thiểu yêu cầu là 50%. Nhiều nhân viên và đơn vị cung cấp dịch vụ vẫn không hiểu về yêu cầu trọng tâm vào hộ nghèo của chương trình và chúng tôi sẽ cần phải tiếp tục làm việc về vấn đề này nhằm đảm bảo rằng RUDEP là một chương trình giảm nghèo và vì thế phải trọng tâm vào hộ nghèo.

3.3 Các đề nghị điều chỉnh so với thiết kế chương trình

Chúng tôi đề nghị tiếp tục duy trì việc thực hiện Chương trình theo Tài liệu Thiết kế chương trình (PDD) đồng thời đề nghị một số thay đổi về hoạt động như sau (chi tiết cụ thể hơn được trình bày tại khung thay đổi ở Phụ lục 13):

- Việc tăng ngân sách dành cho Đầu vào Chuyên gia ngắn hạn (STA): Ngân sách STA trong PDD được dùng như số tiền mang tính chỉ báo và nó đã được thống nhất rằng sau này trong chương trình có thể có sự cần thiết tăng thêm ngân sách này vì chương trình sẽ cần đầu vào chuyên gia thường xuyên ở những lĩnh vực không được hình dung trước trong PDD. Hạng mục Chuyên gia ngắn hạn cho phép Chương trình có được sự tiếp cận đến những chuyên gia thuộc nhiều kỹ năng và lĩnh vực không sẵn có tại Quảng Ngãi hoặc trong đội ngũ Ban Quản lý. Các chuyên gia này hỗ trợ các hoạt động chương trình và cung cấp khuôn khổ và tập huấn để nhân viên Chương trình tiếp tục công việc đã được chuyên gia khởi đầu. Những chuyên gia này giúp chương trình có thể phát triển một phạm vi rộng rãi hơn các phương án lựa chọn trong nhiều lĩnh vực và tạo các mối liên kết với các tổ chức cả trong nước và quốc tế. Vì vậy Chúng tôi đề nghị chuyển A\$100,000 từ ngân sách Đi lại công tác sang Ngân sách STA. Chúng tôi

ước tính rằng sẽ có A\$125.144 là số tiền chi không hết trong ngân sách Đi lại công tác trong 5 năm của Chương trình. Chúng tôi cũng ước tính rằng đến cuối Năm 3, Chương trình sẽ chi hết tổng cộng A\$720.658 kinh phí Chuyên gia ngắn hạn từ tổng ngân sách 5 năm trong PDD là A\$732.000. Vì vậy đề trang trải cho kinh phí STA được hoạch định cho Năm 4 là A\$105,390, chúng tôi sẽ dùng số còn lại A\$11,342 trong ngân sách STA (A\$732,000 – A\$720,658) cộng với A\$100,000 số tiền chi không hết từ ngân sách Đi lại công tác. Vì những con số này là số ước tính, chúng tôi đã dùng một giá trị nhiều hơn giá trị được tính toán thực tế để cho phép mọi sự giao động trong những số ước. Mọi khoản tiền không chi hết trong kinh phí STA cho năm 05/06 sau đó có thể được dùng cho năm 06/07.

- Ngân sách phát triển bổ sung cho các xã thí điểm: Đợt đánh giá giữa kỳ đã đề xuất một thí điểm về quy trình lập kế hoạch và ngân sách lồng ghép tham vọng hơn dự định được xem xét trước đây. Vì thế đề xuất ở đây là tiến hành thí điểm trên hai huyện (là huyện Minh Long và huyện Mộ Đức), nghĩa là làm thí điểm tại toàn 5 xã của huyện Minh Long (kể cả xã Chương trình hiện thời là Long Sơn) và tại xã Đức Phong (xã RUDEP hiện thời) ở huyện Mộ Đức. Điều này cho phép công việc thí điểm được thực hiện ở một huyện đồng bằng và một huyện miền núi để chúng ta có thể thu thập kinh nghiệm ở hai loại hình địa lý xã hội khác nhau. Đợt đánh giá đề nghị rằng có thể hữu ích là cung cấp một kinh phí khích lệ các những xã không phải là xã Chương trình hiện thời để tạo một lợi ích trực tiếp từ việc họ tham gia vào trong quá trình thử nghiệm. Vì vậy chúng tôi đề nghị rằng mỗi trong 4 xã ngoài RUDEP ở huyện Minh Long sẽ được tài trợ một ngân sách phát triển tương đương với số được tiếp nhận của một xã nhỏ thuộc RUDEP là A\$50.000, đưa đến tổng cộng là A\$200,000 kinh phí bổ sung (4 xã @ A\$50,000). Những kinh phí này sẽ được dùng trong năm 2006 để tài trợ cho các hoạt động giảm nghèo tại 4 xã nghèo miền núi này theo cùng một cách như những hoạt động được tiến hành tại các xã RUDEP. Các kinh phí này cần bổ sung vào ngân sách thời của Chính phủ Ô-x-trây-li-a trong RUDEP vì mọi kinh phí hiện nay đều đã được cam kết cho công việc giảm nghèo ở 19 xã RUDEP hiện tại.

4 Kế hoạch hoạt động cho kỳ 7/2005 - 6/2006

4.1 Chiến lược Chương trình

Chiến lược cho kỳ 2005/2006 trọng tâm vào việc đạt được mục tiêu của Chương trình là đưa đến phát triển nông thôn, quản lý nhà nước và giảm nghèo bền vững tại Quảng Ngãi thông qua một chương trình chính phủ của tỉnh về phát triển nông thôn có sự tham gia do RUDEP tài trợ.

Mặc dù RUDEP đã đạt được tiến triển đáng kể trong lập kế hoạch và thực hiện, điều quan trọng đối với RUDEP là hỗ trợ tinh thần nghiêm một phạm vi các quy trình phát triển có sự tham gia càng sớm càng tốt, nhằm xây dựng những mô hình phù hợp khả thi có thể được du nhập rộng rãi trong tỉnh trước khi kết thúc giai đoạn 2. Qua đó điều này sẽ cho thấy cam kết của Chính quyền tỉnh đối với sự phát triển có sự tham gia và tạo điều kiện thuận lợi cho thoả thuận về một Giai đoạn 3 của RUDEP. Nó cũng sẽ hỗ trợ Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo của Việt Nam và góp phần giúp Quảng Ngãi đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ¹ của Chiến lược này.

Vì vậy, RUDEP có hai chiến lược chính cho năm nay là:

(i) **Địa phương hoá:** nhằm đảm bảo quyền sở hữu và sự bền vững và xuyên suốt RUDEP vào các quy trình và thể chế của tỉnh, sự chú ý sẽ được tập trung vào việc địa phương hoá các quy trình và thủ tục tại các cấp tỉnh, huyện và xã. Chiến lược này bao gồm các nội dung sau:

- Liên kết RUDEP với các chương trình và chính sách của Tỉnh;
- Từng bước chuyển giao việc ra quyết định và trách nhiệm tài chính cho UBND huyện và UBND xã;
- Thử nghiệm thí điểm và kế đến là việc áp dụng quy trình PPP toàn diện (lập kế hoạch phát triển xã (CDP) bao gồm việc lập kế hoạch và kế hoạch ngân sách cho toàn bộ các nguồn kinh phí sẵn có đối với một xã) trong tỉnh Quảng Ngãi;
- Nâng cao năng lực cán bộ tỉnh, huyện xã và thôn.
- Theo dõi và đánh giá

(ii) **Trọng tâm vào hộ nghèo:** nhằm đảm bảo giảm nghèo tại Quảng Ngãi, sự chú ý sẽ được tập trung vào việc nâng cao năng lực cho các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến nông để hỗ trợ các nhu cầu của hộ nghèo (đặc biệt ở các địa phương miền núi), gia tăng phạm vi các phương án lựa chọn sẵn có dành cho nông hộ nghèo và hỗ trợ nông hộ du nhập các kỹ thuật phù hợp. Chiến lược này bao gồm việc đạt được:

- Hoạt động của RUDEP được gắn liền với CPRGS;
- Các hệ thống canh tác bền vững và các kỹ thuật phù hợp đặc biệt là ở các địa phương miền núi;
- Sự phát triển thị trường thuận lợi cho hộ nghèo;
- Quy trình chuyển giao công nghệ hiệu quả thích đáng với nông hộ nghèo bao gồm các tư liệu thông tin, giáo dục và truyền thông (IEC) phù hợp;
- Các cơ hội việc làm phi nông nghiệp;
- Gia tăng sự tiếp cận đến các quỹ tiết kiệm và tín dụng;

¹ Liên hợp quốc tại Việt Nam (2002), *Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ: Mang các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến gần với người dân*, Hà Nội.

- Gia tăng quyền sở hữu về đất lâm nghiệp thông qua quy trình giao đất lâm nghiệp có sự tham gia;
- Cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ;
- Nâng cao năng lực các đơn vị cung cấp dịch vụ;
- Theo dõi và đánh giá.

Kế hoạch 05/06 bao gồm các nguồn lực đầy đủ để giúp Chương trình có thể thực hiện các chiến lược về địa phương hoá và trọng tâm vào sự phù hợp đối với hộ nghèo mà vẫn đảm bảo rằng các vấn đề mang tính xuyên suốt là giới, môi trường và sự tham gia là một phần gắn liền trong mọi hoạt động. Cụ thể hơn, kế hoạch sẽ giúp RUDEP và các bên liên quan:

- Thực hiện thí điểm quy trình PPP toàn diện tại hai huyện;
- Xây dựng năng lực cho cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã để thực hiện quy trình PPP toàn diện và lập kế hoạch và thực hiện các kế hoạch phát triển xã với các thành viên nhóm hoạt động;
- Xây dựng năng lực cho các đơn vị cung cấp dịch vụ về phát triển chương trình tập huấn, kỹ thuật và khuyến nông có sự tham gia trọng tâm vào hộ nghèo;
- Thực hiện thí điểm quy trình giao đất lâm nghiệp có sự tham gia (PFLAP) và triển khai PFLAP trong nửa số xã RUDEP;
- Tài trợ các cấu phần Tiết kiệm và Tín dụng, tạo thu nhập, sinh kế và cơ sở hạ tầng của các kế hoạch xã của 19 xã RUDEP;
- Phát triển và thử nghiệm các kỹ thuật phù hợp với hộ nghèo và các tài liệu khuyến nông kèm theo các kỹ thuật này;
- Vào mạng lưới và quảng bá RUDEP trong phạm vi tỉnh và phạm vi cộng đồng phát triển rộng rãi hơn ở Việt Nam.
- Sử dụng hệ thống Theo dõi & Đánh giá một cách thích đáng

Kết quả kỳ vọng vào cuối năm 2005/2006 gồm:

- Sự đồng ý và văn bản hoá từ UBND Tỉnh Quảng Ngãi để bắt đầu việc từng bước trải rộng quy trình PPP toàn diện ra toàn bộ các xã và huyện trong tỉnh;
 - Sự tán thành và phân bổ ngân sách bởi UBND Tỉnh cho các chi phí thường kỳ liên quan đến PPP, PFLAP và những hoạt động khác do RUDEP khởi xướng;
 - Cán bộ cấp tỉnh và huyện đạt năng lực sẽ được cam kết vào PPP toàn diện và dẫn dắt việc trải rộng từng bước;
 - PFLAP được hoàn thành ít nhất tại 9 xã RUDEP với năng lực PFLAP mạnh mẽ ở toàn bộ các huyện;
 - Các kế hoạch xã tại 19 xã RUDEP được trực tiếp thực hiện bởi UBND xã mà đảm bảo các nguyên tắc về tính trách nhiệm và sự minh bạch đối với RUDEP cũng như với người dân;
 - Cán bộ các cơ quan khuyến nông huyện và tỉnh và các đơn vị cung cấp dịch vụ tư nhân đạt năng lực trong việc cung cấp các dịch vụ tập huấn và khuyến nông có sự tham gia cho các nhóm hoạt động đáp ứng theo các nhu cầu được thể hiện trong các kế hoạch hoạt động;
-

- Các quỹ VSCF hoạt động có hiệu quả, và một kế hoạch rõ ràng cho các quỹ VSCF hiện thời và cho công việc tương lai của RUDEP về tín dụng liên quan đến Nghị định 28;
- Một phạm vi rộng lớn hơn nữa về các tùy chọn hệ thống canh tác trên đất dốc dựa vào nước trời được nông hộ nghèo ở các xã miền núi áp dụng.

(Lưu ý rằng RUDEP sẽ không tiến hành quy trình PPP thường xuyên của mình tại 19 xã RUDEP vào tháng 4 đến tháng 6 của năm 2006 như đã làm ở những năm trước vì các xã RUDEP sẽ gia nhập vào sự trải rộng PPP toàn diện và việc lập kế hoạch sẽ được thực hiện phù hợp theo thời gian lập kế hoạch của Việt Nam là từ tháng 7 đến tháng 12. Để đảm bảo không có sự chậm trễ trong lập kế hoạch và tài trợ cho các xã RUDEP, các kế hoạch xã hiện thời đang được soạn thảo trong tháng 5 và tháng 6/2005 sẽ bao trùm cho cả thời kỳ hai năm là 2005/2006 và 2006/2007 cho tài trợ RUDEP.)

4.2 Lịch trình về các hoạt động và nguồn lực

4.2.1 Lịch trình các hoạt động

Bảng 2 đề cập đến các hoạt động được lập kế hoạch cho đến 30/6/2006 được trình bày theo Khung Logic từ Văn kiện thiết kế chương trình. Phụ lục 10 cung cấp các chỉ báo và chỉ tiêu cho những hoạt động này mà sẽ được dùng để theo dõi tiến độ chương trình trên toàn năm.

Bảng 2: Hoạt động Chương trình được hoạch định cho kỳ 07/2005 - 06/2006

Đầu ra	Nội dung
Cấu phần 1: Tạo thu nhập nông thôn được khởi xướng từ hộ gia đình	
<p>1.1</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực để tham gia tích cực vào các quy trình lập kế hoạch hoạt động.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Soạn bản quy trình hướng dẫn cho thí điểm PPP toàn diện. - Tập huấn CCG và DCG về PPP toàn diện. - Tập huấn hướng dẫn viên cấp thôn và tiến hành PRA. - Tiến hành các cuộc họp dân cấp thôn cho lập kế hoạch tại các xã/ huyện thí điểm và tổng hợp lên thành các kế hoạch phát triển xã và huyện. - Đánh giá sự thực hiện thí điểm PPP toàn diện. - Tập huấn các CCG để thực hiện các kế hoạch phát triển xã.
<p>1.2</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động tạo thu nhập phù hợp xét theo các khía cạnh kỹ thuật, giới, và môi trường; cũng như các phương án lựa chọn cho các hoạt động tạo thu nhập phi nông nghiệp và xác định các nguồn tài trợ cho các thiếu hụt về tài chính.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - DDO hỗ trợ CCG để thành lập các nhóm hoạt động dựa trên kế hoạch xã liên quan đến ba lĩnh vực: tạo thu nhập, hỗ trợ đời sống và cơ sở hạ tầng. - DDO và các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ các nhóm lập kế hoạch hoạt động theo hướng dẫn, có lồng vào các vấn đề về kỹ thuật, giới và môi trường. - Các CCG phê duyệt các kế hoạch nhóm hoạt động và trình tổng hợp lên RUDEP.

Đầu ra	Nội dung
<p>1.3</p>	<p>Các bên tham gia có năng lực thực hiện các hoạt động sinh lợi và tạo thu nhập góp phần đa dạng hoá đời sống sinh kế, kích thích thành phần dịch vụ, và vận dụng thích đáng về kỹ thuật, quản lý tài chính và các nguồn tín dụng.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> – RUDEP cung cấp kinh phí cho các hoạt động tạo thu nhập và hỗ trợ đời sống vào tài khoản ngân hàng của CCG để CCG tài trợ cho các kế hoạch hoạt động của nhóm. – CCG hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện các kế hoạch hoạt động (nếu cần). – CCG và các nhóm hoạt động theo dõi tiến độ với thực hiện (với sự hỗ trợ của DDO). – RUDEP hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ thử nghiệm những kỹ thuật mới phù hợp với mỗi địa phương cụ thể. – RUDEP tuyển mộ chuyên gia ngắn hạn người trong nước hỗ trợ công việc của chương trình về đa dạng hoá thu nhập hộ gia đình và tăng năng lực sản xuất nông nghiệp. – Quảng bá những hoạt động thị trường thuận lợi với người nghèo và thử nghiệm các phương án hoạt động thị trường khác nhau. – Khởi xướng các quỹ VSCF theo kế hoạch xã và tập huấn về quy chế quỹ, kế toán và hoạt động ngân hàng. – Tăng cường các quỹ VSCF bằng việc hỗ trợ về quản lý/ kế toán, lập kế hoạch vay vốn khả thi và kỹ thuật. – Tiếp tục nghiên cứu tính bền vững của các quỹ VSCF theo Nghị định 28 và xác định chiến lược cho sự hỗ trợ tín dụng của RUDEP tại Quảng Ngãi trong tương lai. – Phát triển một hệ thống M&E hiệu quả cho các CCG để quản lý các hoạt động trong xã của họ. – Đánh giá hoạt động của các quỹ VSCF và tác động của chúng đối với các thành viên trong quỹ, đặc biệt xem xét những khác biệt giữa các thành viên nam giới và phụ nữ trong quỹ. – Đánh giá sự áp dụng các kỹ thuật trình diễn.
<p>1.4</p>	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học từ quá trình thực hiện và phản ánh chúng trong các kế hoạch hoạt động hàng năm kế tiếp do họ soạn thảo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các CCG phối hợp quy trình lập kế hoạch/ đánh giá hàng năm với các nhóm hoạt động. – PMU phối hợp một hội thảo đánh giá hàng năm để đúc kết bài học kinh nghiệm từ các xã mà có thể tác động đến chính sách và chiến lược của tỉnh. – Tiến hành các khảo sát về lợi ích của việc lập kế hoạch có sự tham gia đối với việc cải thiện tạo thu nhập và sinh kế của người hưởng lợi. – Tiến hành kiểm toán tất cả các quỹ VSCF. – Duy trì cơ sở dữ liệu của Chương trình để theo dõi các hoạt động.
<p>Cấu phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã</p>	
<p>2.1</p>	<p>Cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được hoạch định và thực hiện.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> – DDO hỗ trợ CCG thành lập nhóm hoạt động cơ sở hạ tầng cho mỗi hoạt động cơ sở hạ tầng theo kế hoạch xã. – Các Ban quản lý Công trình hạ tầng xã (CPMB) phối hợp các nhóm hoạt động thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng đã được xác định trong Kế hoạch xã

Đầu ra	Nội dung
	<p>thuộc RUDEP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các hướng dẫn cơ sở hạ tầng để đảm bảo quy trình thiết kế, thông số, lên chi phí và hợp đồng đáp ứng đúng các yêu cầu theo Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ô-x-trây-li-a. - Các CPMB và nhóm hoạt động lập đánh giá tác động môi trường cho mỗi công trình cơ sở hạ tầng. - Tập huấn về lập tờ trình và thiết kế công trình cơ sở hạ tầng có sự tham gia. - Các CPMB và nhóm hoạt động lập kế hoạch O&M trước khi tiến hành thủ tục phê duyệt công trình và thực hiện các kế hoạch O&M đã được đồng ý đó. - Trợ giúp việc soạn thảo các hồ sơ tờ trình xin các nguồn lực ngoài chương trình cho các công trình cơ sở hạ tầng được xác định trong kế hoạch xã.
<p>2.2</p>	<p>cơ sở hạ tầng cấp xã quy mô nhỏ được đưa vào sử dụng và được duy tu bảo dưỡng.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn CPMB/AG về soạn thảo các kế hoạch O&M bền vững và có hiệu quả với các trình tự hỗ trợ tài trợ đáng tin cậy. - Hỗ trợ CPMB/AG thực hiện các kế hoạch O&M. - Theo dõi hoạt động của các dự án cơ sở hạ tầng và các hoạt động O&M.
<p>2.3</p>	<p>Các bên tham gia rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện, vận hành và duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và phản ánh chúng vào các kế hoạch cơ sở hạ tầng kế tiếp.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hiệu quả của các công trình cơ sở hạ tầng và các kế hoạch O&M.
<p>Cấu phần 3: Nâng cao năng lực cấp Tỉnh, Huyện và Xã</p>	
<p>3.1</p>	<p>Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tiềm năng có năng lực và động lực tích cực hỗ trợ sự hoạch định có sự tham gia của Chương trình và sự thực hiện hoạt động bởi các xã và các nhóm hộ.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu vai trò và trách nhiệm của các CCGs và DCG liên quan đến PPP toàn diện và trách nhiệm đối với việc thực hiện kế hoạch xã. - Điều chỉnh vai trò và trách nhiệm của của DDO đáp ứng với chiến lược địa phương hoá và nâng cao năng lực phù hợp. - Thực hiện chương trình đào tạo tập huấn dựa trên phân tích nhu cầu đào tạo của CCG/DCG thuộc 12 huyện và 19 xã. - Soạn thảo các hướng dẫn cho CCGs về quản lý việc thực hiện và tài trợ kế hoạch xã. - Hợp đồng một cơ quan để thực hiện chương trình tập huấn cho cán bộ 19 xã để thực hiện, tài trợ, theo dõi và quyết toán các kế hoạch xã. - Đánh giá có sự tham gia về năng lực thực hiện công việc của cán bộ tỉnh, huyện và xã về hỗ trợ PPP toàn diện và thực hiện kế hoạch xã. - Soạn thảo nội dung và hợp đồng với một cơ quan để thực hiện một chương trình đào tạo tập huấn cho cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện về các phương pháp khuyến nông có sự tham gia và các hệ thống canh tác. - Đánh giá có sự tham gia về năng lực thực hiện công việc của các đơn vị cung cấp dịch vụ với các kiểm tra đầu khoá/ cuối khoá/ ngoài cuối khoá và rà soát các kết quả với các đơn vị cung cấp dịch vụ.
<p>3.2</p>	<p>Cán bộ chính quyền và các bên cung cấp dịch vụ tham gia Chương trình có năng lực nhận biết và thu hút các nguồn tài trợ ngoài Chương trình và những nguồn lực khác để đáp ứng các nhu cầu trong những kế hoạch hoạt động được soạn thảo với</p>

Đầu ra	Nội dung
	<p>các cộng đồng nông thôn nghèo.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một cơ sở dữ liệu về các đơn vị cung cấp dịch vụ và ghi chép về sự thực hiện công việc và kinh nghiệm để hỗ trợ một chương trình nâng cao năng lực cho các đơn vị cung cấp dịch vụ. - Hỗ trợ cán bộ chính quyền lập hồ sơ tờ trình xin tài trợ bên ngoài.
Cấu phần 4: Quản lý, theo dõi và đánh giá Chương trình	
<p>4.1</p>	<p>Chương trình được thực hiện một cách thành công theo tiến độ và nằm trong phạm vi ngân sách.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện các hệ thống và thủ tục điều hành trong Ban quản lý và nâng cao năng lực cho nhân viên Ban quản lý. - Rà soát và điều chỉnh Quy chế Ban quản lý nhằm đảm bảo chúng đáp ứng các nhu cầu của Chương trình. - Hỗ trợ sự thành lập và đi vào hoạt động của Nhóm hợp tác các dự án ODA. - Soạn thảo Kế hoạch Năm, Báo cáo tiến độ và các báo cáo về Công cụ theo dõi đơn giản hoá. - Thực hiện chiến lược truyền thông và tiến hành rà soát định kỳ. - Soạn thảo các bản tin hàng quý về các hoạt động Chương trình và phân phối trong Quảng Ngãi cũng như đến các nhà tài trợ/ tổ chức quốc tế ở Việt Nam. - Duy trì trang Web của Chương trình. - Tiếp tục phát triển hệ thống M&E bao gồm việc phát triển hệ thống M&E cho các CCG về thực hiện kế hoạch xã. - Rà soát tài liệu quản lý rủi ro Chương trình và soạn thảo một phương pháp tiếp cận điều chỉnh về quản lý rủi ro/ lập kế hoạch dự phòng với nhân viên Ban quản lý Chương trình (Tài liệu Quản lý Rủi ro hiện thời được đính kèm tại Phụ lục 14). - Thực hiện Chủ trương về Giới của RUDEP trên toàn Chương trình. - Quảng bá và hỗ trợ việc sử dụng Cẩm nang quản lý môi trường và Chủ trương về môi trường trên toàn chương trình.
<p>4.2</p>	<p>Các đối tác ở các cấp nhà nước, tỉnh, huyện và xã có ý thức sở hữu trong Chương trình và tích cực đồng định hướng việc thực hiện.</p> <p>Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải thiện sự phối hợp trong Ban quản lý Chương trình và với các cơ quan tỉnh và huyện liên quan. - Tiến hành các cuộc họp Ban điều phối Chương trình như đã hoạch định. - Soạn thảo ngân sách chi báo về các chi phí thường kỳ và xác định những nguồn lực cần có cho việc gia tăng lồng ghép và địa phương hoá cho năm tài chính Việt Nam 2006. - Làm việc với cán bộ chính quyền Tỉnh về việc hội nhập các mục tiêu và hoạt động của RUDEP vào trong các cơ cấu chính quyền.

4.2.2 Lịch trình các nguồn lực

Các lịch trình chi báo về việc thực hiện hoạt động và các nguồn lực cho kỳ kế hoạch này sẽ được trình bày trong các Phụ lục 1 và 3.

Chi tiếp cụ thể thêm sẽ được trình bày tại các Phụ lục sau: Phụ lục 4 - bố trí nhân sự; Phụ lục 5 - mua sắm; Phụ lục 6 - nâng cao năng lực (kế hoạch khung); Phụ lục 7 - các hoạt động theo ngân quỹ ứng trước; Phụ lục 8 – Các điều khoản tham chiếu công việc đối với Chuyên gia ngắn hạn; và Phụ lục 11 – ngân sách cho các hoạt động truyền thông.

4.2.3 Bố trí nhân sự trong Chương trình

Bố trí nhân sự RUDEP cho Năm thứ 4 được thể hiện tại Tổng hợp nhân sự thuộc Phụ lục 4 và theo sơ đồ tổ chức tại Phụ lục 9. Mọi vị trí nhân sự cả phía AMC và phía Việt Nam hiện nay đều đã đầy đủ và mọi nhân viên đều hoạt động theo các vai trò của mình. Cơ cấu nhân sự cho Năm 4 là giống như Năm 3 vì các vị trí nhân viên hiện thời đều cần thiết để thực hiện các hoạt động theo kế hoạch và việc thực hiện các chiến lược về địa phương hóa và trọng tâm vào hộ nghèo.

Về phần chuyên gia cố vấn, Năm 4 bao gồm nhóm chuyên gia dài hạn Ôx-trây-li-a gồm 3 người và các đầu vào chuyên gia ngắn hạn (cả chuyên gia Việt Nam và quốc tế) theo yêu cầu về hướng dẫn kỹ thuật và đảm bảo chất lượng. Bảng 3 thông tin về các đầu vào đã được hoạch định đối với mỗi chuyên gia cho năm kế hoạch và các tham chiếu nội dung công việc đối với các chuyên gia này được trình bày tại Phụ lục 8.

Trong năm 2005/2006, vai trò của chuyên gia cố vấn dài hạn sẽ thay đổi để phản ánh những chiến lược mới. Cố vấn cao cấp về phát triển có sự tham gia (Senior PDA) sẽ chịu trách nhiệm về chiến lược trọng tâm vào hộ nghèo; và Cố vấn phát triển có sự tham gia (PDA) được hỗ trợ bởi Trưởng đoàn Ôx-trây-li-a (ATL) sẽ chịu trách nhiệm về chiến lược địa phương hoá. Ông Bede Evans là người hiện giữ vị trí PDA này sẽ rời Chương trình vào tháng 12, sau một đầu vào công việc là 3 năm, và ATL sẽ thu xếp thay đổi nhân sự cho vị trí PDA này để đảm bảo tính liên tục cho chiến lược địa phương hoá.

Về chuyên gia ngắn hạn, chúng tôi đã chỉ báo sự cần thiết chỉ một chuyên gia ngắn hạn người quốc tế (về tài chính vi mô), tuy nhiên vẫn có sự cần thiết về các đầu vào chuyên gia ngắn hạn người trong nước với một phạm vi rộng lớn các loại kỹ năng để đáp ứng với các nhu cầu của Chương trình đồng thời để điều tra tiềm năng về một phạm vi đa dạng của các hoạt động tạo thu nhập.

Bảng 3: Bố trí về Chuyên gia Chương trình cho kỳ 07/2005 - 06/2006

Vị trí	Tên	Đầu vào hoạch định (tháng công tác)
Đầu vào chuyên gia dài hạn quốc tế		
Giám đốc Chương trình phía Ôx-trây-li-a	Ted A' Bear	2.0
Trưởng đoàn Ôx-trây-li-a	Trevor Ole	12.0
Cố vấn phát triển có sự tham gia	Mark Hoey	12.0
Cố vấn phát triển có sự tham gia	Bede Evans/TBA	12.0
Cộng- Đầu vào dài hạn quốc tế		38.0
Chuyên gia ngắn hạn quốc tế		
Chuyên gia tài chính vi mô	Guy Winship	0.5
Cộng- Chuyên gia ngắn hạn quốc tế		0.5
Chuyên gia ngắn hạn trong nước		
Chuyên gia lâm nghiệp và khuyến nông	Phạm Nguyên Khôi	6.0
Chuyên gia tài chính nông thôn	Đào Văn Hùng	0.5
Chuyên gia hoạt động thị trường	TBA	2.0
Chuyên gia Công nghệ sau thu hoạch	Trịnh Đình Hoà	2.0

Chuyên gia tập huấn thú y	Tạ Ngọc Sính	2.0
Chuyên gia về PPP	TBA	2.0
Chuyên gia về giới và phát triển	Lê Thị Được	1.0
Các bên cung cấp dịch vụ được hợp đồng	TBA	2.0
Cộng- Chuyên gia ngắn hạn trong nước		17.5

Tóm lược về các đầu ra dự kiến đối với từng chuyên gia được trình bày dưới đây. Bên cạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn, các chuyên gia ngắn hạn sẽ nâng cao năng lực cho các nhân viên PMU thông qua các tập huấn chính thức và không chính thức.

- **Chuyên gia Tài chính vi mô:** rà soát các hoạt động quỹ VSCF và nhận định các phương án lựa chọn giúp cho sự bền vững của các quỹ.
- **Chuyên gia Tài chính nông thôn:** rà soát các hoạt động của các quỹ VSCF và đề xuất những cải thiện có hiệu quả dựa trên các hoạt động tiết kiệm và tín dụng hiện thời tại Việt Nam.
- **Chuyên gia lâm nghiệp và khuyến nông:** hỗ trợ việc thực hiện quy trình giao đất lâm nghiệp có sự tham gia và phương pháp khuyến nông có sự tham gia và rà soát các quy trình cùng với các đề xuất cải tiến.
- **Chuyên gia hoạt động thị trường:** xem xét chiến lược hoạt động thị trường thuận lợi với hộ nghèo và đề xuất cải tiến đối với hoạt động thị trường; đánh giá những loại hàng hoá mới được nghiên cứu để tư vấn nông hộ nghèo.
- **Chuyên gia về Công nghệ Sau thu hoạch:** Đề xuất các cách thức giúp giảm bớt hao hụt sau thu hoạch và gia tăng giá trị sản phẩm trước khi tiêu thụ cuối cùng và soạn thảo các tài liệu khuyến nông phù hợp.
- **Chuyên gia tập huấn thú y:** hỗ trợ và rà soát chương trình tập huấn thực nghiệm đối với hộ gia đình, thú y viên cơ sở và cán bộ thú y tỉnh và huyện.
- **Chuyên gia PPP:** soạn thảo quy trình hướng dẫn cụ thể cho việc tiến hành PPP lồng ghép và các vai trò và trách nhiệm cụ thể của các bên tham gia liên quan.
- **Chuyên gia về Giới và Phát triển:** hỗ trợ việc thực hiện chiến lược về giới và tiến hành các khoá tập huấn cho cán bộ xã và huyện.
- **Các đơn vị cung cấp dịch vụ được hợp đồng:** được dùng như những nhu cầu đã được xác định trên toàn năm.

4.3 Đầu vào đối tác chính quyền

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ quan thực hiện chính) sẽ cung cấp các nguồn lực sau để hỗ trợ cho Chương trình trong suốt thời kỳ này.

1. Cán bộ MPI, MARD, PPC, DPI, DARD và DOLISA cho các cuộc họp Ban điều phối Chương trình.
2. Nhân sự DPI cho các vị trí Đồng giám đốc và Phó Giám đốc Ban quản lý Chương trình.
3. Nhân sự đối tác DPI: hai nhân viên hợp đồng toàn thời gian để đối tác với các cố vấn phát triển có sự tham gia người Ô-x-trây-lya; và 3 nhân viên làm việc kiêm nhiệm để đối tác với các vị trí Chuyên viên nâng cao năng lực (CBO), Chuyên viên tài chính và tín dụng (FCO) và Chuyên viên cơ sở hạ tầng và môi trường (IEO).
4. Hai nhân viên hành chính làm việc toàn thời gian tại văn phòng Ban quản lý.
5. Các cán bộ tiếp xúc ở các sở ban ngành.
6. Chế độ phụ cấp cho cán bộ các nhóm tiếp xúc xã và nhóm tiếp xúc huyện và phụ cấp cho các đại diện được lựa chọn trong xã để hỗ trợ các hoạt động RUDEP.
7. Chi phí bảo dưỡng toà nhà văn phòng Ban quản lý Chương trình.
8. Mặt bằng văn phòng và các tiêu hao tiện ích cho 12 văn phòng DDO tại cấp huyện.

9. Hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng về chi phí trang trải cho các khâu thiết kế, đền bù giải toả và tháo gỡ bom mìn.
10. Hỗ trợ việc lồng ghép các quy trình phát triển và lập kế hoạch có sự tham gia vào trong hệ thống chính quyền địa phương và phân bổ kinh phí cho các chi phí định kỳ trong ngân sách 2006.
11. Hỗ trợ cho PFLAP (về mặt cam kết cơ quan, các nguồn lực về kinh phí và nhân sự) để thúc đẩy việc giao đất lâm nghiệp có sự tham gia tại các xã RUDEP.
12. Thành lập và điều hành Nhóm hợp tác các dự án ODA.

Chi tiết cụ thể về ước tính các chi phí định kỳ cho sự trải rộng từng giai đoạn PPP toàn diện, sự thực hiện PFLAP rộng rãi trong tỉnh và việc nâng cao năng lực thường xuyên cho cán bộ tập huấn và khuyến nông được trình bày tại Phụ lục 15. Tổng hợp các chi phí định kỳ này được trình bày dưới đây:

- Sự trải rộng từng bước về PPP toàn diện: Tổng chi phí cho việc thực hiện PPP toàn diện tại Quảng Ngãi (50% số xã trong Năm 1, 100% số xã trong Năm 2 và Năm 3) được ước tính là: Năm 1 (2006) 1,553 tỉ đồng; Năm 2 (2007) 1,421 tỉ đồng; và Năm 3 (2008) 884 triệu đồng. Mặc dù những chi phí này xem ra hơi cao, nhưng khi nhìn ở khía cạnh chi phí tản ra các bên tham gia khác nhau cho năm 3 trở đi, chúng tôi thấy rằng nó hoàn toàn có thể quản lý được và có thể thực hiện được: Chính quyền Tỉnh- 63 triệu đồng/ năm, mỗi UBND huyện- 33 triệu đồng/ năm và mỗi UBND xã- 2 triệu đồng/ năm (63 tr. đồng + (14 huyện x 33 tr. đồng/ huyện) + (182 xã x 2 tr. đồng/ xã = 884 tr. đồng)
- Thực hiện Quy trình Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia (PFLAP) rộng rãi trong tỉnh: Tổng chi phí để làm PFLAP ở toàn bộ các xã miền núi là ước chừng 24,2 tỉ đồng. Tuy nhiên cơ sở chi phí này là tính theo các định mức phụ cấp của RUDEP và có thể rẻ hơn nếu theo các định mức bình thường của Tỉnh. Tuy là một số tiền tương đối lớn, nhưng đây là một cơ hội tuyệt vời cho việc thu hút vốn tài trợ từ các cơ quan tài trợ khác để làm hoạt động này, trên cơ sở là Tỉnh đã nâng cao về năng lực và đã làm thí điểm về PFLAP tại các xã RUDEP. Đặc biệt là Ngân hàng Thế giới (WB) hẳn sẽ rất thiện chí tài trợ cho công việc này tại các xã như một nội dung trong Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp của tổ chức này.
- Hoạt động nâng cao năng lực tiếp diễn cho cán bộ tập huấn và khuyến nông: để cung cấp tập huấn tiếp diễn và hỗ trợ cán bộ khuyến nông ở cấp tỉnh và cấp huyện, cần có một ngân sách định kỳ ước tính là 534 triệu đồng/ năm. Điều này sẽ giúp cán bộ luôn cập nhật với các vấn đề kỹ thuật, nhận được tập huấn bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng các phương pháp tập huấn và khuyến nông.

4.4 Phối hợp chương trình

Cơ cấu tổ chức của PMU được trình bày tại Phụ lục 9. Quy chế hoạt động PMU đã được điều chỉnh vào giữa năm 2004 để phản ánh một hệ thống đồng quản lý, dựa trên: sự tín nhiệm, tham vấn và đồng ý trước giữa hai bên về các Kế hoạch Năm và các kế hoạch công việc và sự uỷ thác trọn vẹn để thực hiện trong các phạm vi đã được thống nhất. ATL và Phó Giám đốc DPI là các đồng giám đốc Ban quản lý và đồng quản lý chương trình.

Thời gian biểu các cuộc họp giao ban/ quản lý được thiết lập như sau:

- Họp hàng tuần giữa hai đồng giám đốc PMU để thảo luận về các kế hoạch tháng, rà soát tiến độ và thảo luận về các vấn đề và cơ hội phát sinh.
- Họp tháng của các Chuyên viên kỹ thuật và nhân sự cao cấp để rà soát tiến độ theo các chỉ tiêu hoạt động/ đầu ra và xác định mọi vấn đề và cơ hội.

- Cuộc họp tháng của các DDO, Chuyên viên kỹ thuật và các Cố vấn phát triển có sự tham gia để rà soát các vấn đề và phối hợp các hoạt động giữa các nhân viên trong PMU. Kế hoạch hàng tháng được soạn thảo mà bao trùm mọi hoạt động của Chương trình cho tháng đó; và kế hoạch cuốn chiếu sáu tháng thì được dùng để đảm bảo nhân viên đều nắm rõ các hoạt động sẽ xảy ra trong những tháng đến.
- Họp hàng tuần giữa các CCG và DDO tại mỗi xã để thảo luận về tiến độ thực hiện và các vấn đề;
- Họp hàng tháng giữa DCG và DDO tại mỗi huyện để thảo luận về tiến độ và các vấn đề;
- Họp tháng giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ (cấp tỉnh, huyện hoặc tư nhân được CCG hợp đồng để thực hiện các cấu phần trong các kế hoạch hoạt động của các nhóm hộ gia đình) và CCG tại mỗi xã để thảo luận về tiến độ và các vấn đề (DDO tham dự một số trong các cuộc họp này);
- Họp hàng tuần giữa nhân sự cao cấp và chuyên viên kỹ thuật để đánh giá kế hoạch cho tuần kế tiếp và thông báo cho nhân viên về khách viếng thăm, các khóa tập huấn, các cuộc họp, v.v. và phân bổ nguồn lực cho tuần.
- Họp tháng giữa đại diện các đơn vị hội phụ nữ tỉnh và huyện để rà soát sự hỗ trợ các quỹ VSCF và các vấn đề phát sinh liên quan đến thực hiện tài chính của quỹ VSCF.
- Các cuộc họp bất thường cần thiết giữa PMU và các đơn vị cung cấp dịch vụ (cấp tỉnh, huyện hoặc tư nhân được PMU hợp đồng để thực hiện những hoạt động không nằm trong các kế hoạch xã) để rà soát tiến độ và giải quyết các vấn đề phát sinh.
- Họp quý giữa PMU với CCG và DCG để đánh giá tiến độ, xác định các vấn đề và thảo luận các hoạt động Chương trình.

Như đã đề cập trong PDD và được đồng ý bởi Ban điều phối Chương trình (PCC) (Tháng 11/2004), Sở Kế hoạch Đầu tư đã đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh thành lập một Nhóm hợp tác các dự án ODA. Nhóm sẽ bao gồm các thành phần cao cấp then chốt từ các sở ban ngành và các hội đoàn thể cấp tỉnh cộng với các đại diện từ các dự án ODA và NGO. Nó sẽ là quan trọng để phối hợp những dự án đang ngày càng tăng tại Quảng Ngãi và duy trì các mối liên kết với các chuyên gia về chuyên môn và quản lý trong tỉnh. Nó cũng sẽ đảm bảo một dòng lưu lượng thông tin về các hoạt động và chương trình của các dự án và sở ban ngành chính quyền. Tuy chưa nhận được sự phê duyệt, nhưng dự kiến nhóm này có thể đi vào hoạt động vào giữa 2005.

5 Kinh phí hoạt động

5.1 Kinh phí bên Chính phủ Ôx-trây-li-a (GOA)

(a) Chi tiêu các năm 1, 2 và 3 Giai đoạn 2

Bảng 4 tổng hợp các số liệu về chi tiêu của Năm 1 và Năm 2 của Chương trình và ước chi tiêu Năm 3. Giải trình về các mức độ chi trong Năm 1 và Năm 2 đã được trình bày trong các Kế hoạch Năm của những năm trước và phần dưới đây chỉ đề cập đến chi tiêu Năm 3.

Tổng chi tiêu cho Năm 3 được ước tính bằng 96% của ngân sách hoạch định; giải trình như sau:

- Nhân sự dài hạn chiếm 105% ngân sách hoạch định và toàn bộ nhân viên dài hạn Ôx-trây-li-a và Việt Nam đã công tác trọn năm và mọi mốc thời gian đều sẽ đạt được tính đến tháng 6/2005. Phần vượt chi trong mục này là do có sự thay đổi về việc định thời gian của các mốc theo như trong Điều chỉnh hợp đồng #6 (tháng 8/2004) và phần này sẽ được bù trừ bằng kế hoạch chi tiêu ít hơn so với dự trù nguyên thủy cho năm 2005/2006 mà sẽ đưa đến tổng chi tiêu của mục này trở về như hoạch định là A\$6,379,380.
- Chi tiêu DDO đạt 97% ngân sách hoạch định vì 2 DDO đã không được tuyển dụng vào tháng 7 như kế hoạch mà đến tháng 9 mới bắt đầu công việc.
- Chi tiêu Chuyên gia ngắn hạn (STA) đạt 97% ngân sách hoạch định với đa số chuyên gia đều được tuyển chọn và thực hiện tốt chức năng để hỗ trợ và mở rộng các hoạt động chương trình.
- Chi tiêu cho các hoạt động mua sắm đã thấp hơn nhiều so với ngân sách hoạch định (65%) mặt dù hầu hết hạng mục được ghi trong Kế hoạch hàng năm đều đã được mua sắm. Điều này là do (i) tiết kiệm từ giá mua một số hạng mục như xe máy; (ii) tiết kiệm từ lãi tỉ giá hối đoái với các hạng mục được mua bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đô la Mỹ mà trở thành rẻ hơn khi tính hối đoái qua đồng đô la Ôx-trây-li-a.
- Chi tiêu cho hoạt động đào tạo tập huấn bằng 93% ngân sách vì một số ít các khóa đào tạo và tham quan học hỏi đã không tổ chức được vì cán bộ huyện và xã không tham dự được các khóa tập huấn hoặc chuyển tham quan học hỏi đó (đặc biệt là trong thời gian từ Tháng 12 đến tháng 2).
- Chi tiêu về đi lại đã thấp hơn so với ngân sách phân bổ (50%) do chi phí đi lại thực tế cho các chuyên gia người Việt Nam và các cố vấn dài hạn thấp hơn đơn giá nêu trong PDD.
- Chi tiêu cho các hoạt động bằng 91% Ngân sách hoạch định do sự thực hiện chậm trễ các hợp đồng dịch vụ và các dự án cơ sở hạ tầng.

Bảng 4: Tổng hợp chi tiêu từ ngân quỹ GOA – các Năm 1, 2 và 3 (\$A)

Năm 1 Giai đoạn 2 (10/2002 - 06/2003)

Mục	Năm 1 (10/2002 – 06/2003)			Tổng ngân sách Ngân sách
	Ngân sách	Chi tiêu		
Nhân sự dài hạn	942,243	941,482	100%	6,379,380
DDO	45,072	40,653	90%	570,384
STA	434,625	234,132	54%	732,000
Mua sắm	174,312	94,753	54%	615,483
Tập huấn	41,062	13,854	34%	273,745
Đi lại	74,660	19,152	26%	224,716
Các hoạt động	371,877	49,130	13%	5,923,716
Cộng	2,083,851	1,393,155	67%	14,719,424

Năm 2 Giai đoạn 2 (07/2003 - 06/2004)

Mục	Năm 2 (07/2003 – 06/2004)			Tổng ngân sách Ngân sách
	Ngân sách	Chi tiêu*		
Nhân sự dài hạn	1,274,820	1,256,263	99%	6,379,380
DDO	102,838	101,070	98%	570,384
STA	359,560	276,540	77%	732,000
Mua sắm	72,345	36,969	51%	615,483
Tập huấn	54,749	53,146	97%	273,745
Đi lại	51,692	13,417	26%	224,716
Các hoạt động	953,388	605,061	63%	5,923,716
Cộng	2,869,392	2,342,467	82%	14,719,424

Năm 3 Giai đoạn 2 (07/2004 - 06/2005)

Mục	Năm 3 (07/2004 – 06/2005)			Tổng ngân sách Ngân sách
	Ngân sách	Chi tiêu*		
Nhân sự dài hạn	1,276,140	1,339,584	105%	6,379,380
DDO	142,992	139,020	97%	570,384
STA	216,840	209,986	97%	732,000
Mua sắm	87,039	56,716	65%	615,483
Tập huấn	84,748	78,634	93%	273,745
Đi lại	43,894	22,003	50%	224,716
Các hoạt động	1,150,492	1,049,171	91%	5,923,716
Cộng	3,002,145	2,895,113	96%	14,719,424

* = thực chi trong kỳ từ 07/2004 đến 03/2004 cộng với ước chi từ Tháng 4 đến tháng 6/ 2005.

(b) Ngân sách Năm 4 Giai đoạn 2

Bảng tổng hợp về chi phí trong Phụ lục 2 trình bày cả chi phí tổng hợp và chi phí cụ thể dự kiến sẽ được phát sinh bởi Chương trình trong kỳ từ 07/2005 - 06/2006. Tổng chi phí cho sự thực hiện Chương trình trong kỳ này là 3.879.517 đô la Ô-x-trây-li-a. Các chi phí này đã bắt nguồn từ PDD với các điều chỉnh nhằm đáp ứng với các nhu cầu đã được xác định, bao gồm việc chuyển sang các khoản tài trợ cho các hợp đồng dịch vụ hoạt động và các công trình cơ sở hạ tầng đã được cam kết trong Năm 3 nhưng chưa được hoàn tất.

tổng hợp về ngân sách chương trình bên Chính phủ Ô-x-trây-li-a được trình bày tại Bảng 5 và lưu chuyển tiền mặt hàng tháng cho năm thì được trình bày tại Bảng 6.

Bảng 5: Tổng hợp ngân sách GOA (A\$)

Năm 4 Giai đoạn 2 (07/2005 - 06/2006)

Mục	Cấu phần 1	Cấu phần 2	Cấu phần 3	Cấu phần 4	TỔNG CỘNG
GOA					
Nhân sự dài hạn	541,710	170,188	106,919	394,474	1,213,291
DDO	83,070	33,228	9,968	6,646	132,912
STA*	90,390			15,000	105,390
Mua sắm				49,499	49,499
Huấn luyện			88,550		88,550
Đi lại công tác	11,263	1,626	1,626	5,485	20,000
Các hoạt động	1,779,875	490,000			2,269,875
Tổng cộng	2,506,308	695,042	207,063	471,104	3,879,517
Tỉ trọng	65%	18%	5%	12%	100%

* bao gồm phụ cấp quản lý chương trình (N26 - Phụ lục 2)

Bảng 6: Lưu chuyển tiền mặt bên GOA (A\$'000)

Năm 4 Giai đoạn 2 (07/2005 - 06/2006)

Mục	Năm 4 (2005/2006)												Tổng cộng	% TC	
	Th 7	cộng		10	11	12	1	2	3	4	5	6			
GOA															
N.sự dài hạn	96	96	112	96	112	96	96	96	112	96	96	112	1,213	31%	
DDO	11	11	11	11	11	11	11	11	11	11	11	11	133	3%	
STA	4	13	11	28	13	4	0	0	4	7	15	4	105	3%	
Mua sắm		0	13	22		2	5		8				49	1%	
Tập huấn	9	13	10	11	14	3	2	1	6	8	7	5	89	2%	
Đi lại	1	1	1	4	1	1	1	1	2	1	4	1	20	1%	
Hoạt động	24	47	84	115	117	66	208	99	443	298	300	468	2,270	59%	
Cộng	145	181	243	286	269	183	322	208	587	420	433	602	3,880	100%	

Bảng tổng hợp về Mua sắm cho kỳ này được trình bày tại Phụ lục 5. Các hạng mục được phân chia vào mua sắm cho: Văn phòng chương trình, DDO và xã; và là theo các hạng mục ghi trong PDD cộng với việc bổ sung vài hạng mục mới. Tổng mua sắm cho năm được ước là 47.595 đô la Ô-x-trây-li-a cộng phí mua sắm là 1.904 đô la Ô-x-trây-li-a (tương đương 4% giá trị mua sắm). Số tiền này cao hơn số được ghi trong PDD cho Năm 4 (24.247 đô la Ô-x-trây-li-a) nhưng phần đời ra sẽ được trang trải từ khoản chưa chi cho mua sắm trong 2 năm đầu của Chương trình. Dưới đây là giải trình về các hạng mục khác với PDD:

- PDD bao gồm một ngân sách dành cho tổng cộng 12 máy tính phân cho các xã nhưng do Chương trình này hoạt động tại tổng cộng 19 xã, nên cần mua thêm 5 bộ máy vi tính ngoài số 14 bộ máy vi tính cho xã đã mua đến nay.
- Là một nội dung trong Chiến lược truyền thông, chúng tôi đã gồm vào các kinh phí cho việc mua sắm các bảng thông báo trang bị cho xã và các hệ thống loa truyền thanh lắp đặt tại các xã. Mục đích là để truyền đạt các thông tin từ Chương trình (cũng như

những thông tin khác) đến cho người dân thông qua các thông tin thông báo dưới dạng văn bản hoặc truyền thanh. (Chi tiết các hạng mục dùng cho truyền thông được cung cấp tại Phụ lục 11).

- Một loạt các phim tài liệu về chương trình đã được hợp đồng và các đợt thanh toán ban đầu đã được thực hiện, song các thanh toán tiếp theo thì được định lịch trình vào 2005/2006 theo hợp đồng.

Phụ lục 6 trình bày Kế hoạch nâng cao năng lực định hướng và mọi sự kiện đều được phân nhóm theo các tiêu đề hội thảo, tham quan học hỏi và tài liệu nghe nhìn. Kế hoạch này cũng trình bày các sự kiện dành cho nhiều nhóm khác nhau gồm cán bộ CCG/DCG, nhân viên PMU và các đơn vị cung cấp dịch vụ. Tổng ngân sách dành cho hoạt động nâng cao năng lực theo Cấu phần 3 là 88.550 đô la Ôx-trây-li-a. Số tiền này cao hơn số phân bổ theo PDD (là 54.749 đô la Ôx-trây-li-a) những vẫn nằm trong phần ngân sách dành cho tập huấn của toàn Giai đoạn 2. Nếu cần thêm kinh phí bổ sung cho hoạt động đào tạo tập huấn trong Năm 5, chúng có thể lấy phần tiết kiệm trong ngân sách dành cho mua sắm, song việc này sẽ được xác định trong Kế hoạch Năm 2006/2007. Giải trình về nội dung kế hoạch đào tạo tập huấn đề cập tại Phụ lục 6 là như sau:

- Các phân tích nhu cầu đào tạo tập huấn hiện đang tiến hành cho toàn bộ cán bộ CCG và DCG dựa trên các biểu đồ năng lực được lập cho các vị trí của họ. Các kết quả của những phân tích về nhu cầu đào tạo tập huấn sẽ được tổng hợp thành một chương trình tập huấn cụ thể. Chương trình này sẽ phục vụ việc phát triển hơn nữa các kỹ năng của cán bộ thuộc các huyện và xã 'cũ' những cũng sẽ cần phải bắt đầu bồi dưỡng năng lực và sự tự tin cho cán bộ tại các xã và huyện 'mới' mà chủ yếu là người dân tộc thiểu số. Những cán bộ này trước đây rất ít nhận được tập huấn và Chương trình cần thay đổi các khóa tập huấn để đáp ứng với nhu cầu của họ. Vì vậy, mặc dù Chương trình đang xúc tiến với chiến lược địa phương hóa và thí điểm PPP toàn diện, kinh phí được phân bổ ở phần nâng cao năng lực sẽ được dùng để xây dựng các kỹ năng thông tin và quản lý cơ bản cho cán bộ CCG và DCG, đặc biệt là tại các xã mới. (Kinh phí bổ sung cho việc tập huấn cán bộ CCG và DCG trong PPP toàn diện và việc thực hiện các kế hoạch xã được đặt trong Ngân sách Hoạt động).
- Kinh phí đã được phân bổ để tiếp tục nâng cao năng lực nhân viên PMU nhằm đảm bảo họ có thể cung cấp sự hỗ trợ tối ưu cho các hoạt động chương trình.
- Kinh phí cũng đã được phân bổ để cung cấp hoạt động tập huấn chuyên môn cho các đơn vị hội phụ nữ để hỗ trợ các quỹ VSCF, cho các cán bộ khuyến nông tỉnh và huyện về quản lý khuyến nông có sự tham gia, cho các đơn vị cung cấp dịch vụ tư nhân về kỹ năng/ kiến thức chuyên môn và khuyến nông có sự tham gia, và cho các giáo viên để hợp đồng thực hiện chương trình tập huấn kỹ năng thương mại cơ bản cho các quỹ VSCF ở các xã miền núi.
- Tài liệu nghe nhìn để hỗ trợ các hoạt động thông tin cũng được hạch toán trong phần này.
- Các chuyến tham quan học hỏi cho cán bộ tỉnh, huyện và xã nhằm giúp họ thu thập kinh nghiệm về những hệ thống được sử dụng ở các tỉnh và dự án khác cũng được bao gồm trong phần này.

Một tổng hợp về kinh phí theo tài khoản ứng trước thể hiện chi tiêu cho tạo thu nhập và cơ sở hạ tầng sẽ được trình bày tại Phụ lục 7. Tổng kinh phí được hoạch định cho Năm 4 là A\$2.269.876; gồm A\$1,579,876 dành cho các hoạt động về tạo thu nhập, A\$490.000 dành cho các hoạt động cơ sở hạ tầng và A\$200.000 kinh phí bổ sung để hỗ trợ các hoạt động phát triển tại 4 xã thí điểm ngoài RUDEP. Chi tiết cụ thể của các hoạt động nông hộ tham quan học hỏi/ tập huấn kỹ thuật và các hợp đồng dịch vụ dự kiến sẽ được hạch toán

trong phần tạo thu nhập mà cũng được trình bày trong các bảng tổng hợp lịch trình nêu tại Phụ lục 7.

(a) Tạo thu nhập: Số tiền A\$1.579.876 dành cho cấu phần tạo thu nhập được phân bổ như sau:

- A\$1,089,923 gồm A\$70,264/ xã tiêu chuẩn (9 xã) và 50% số tiền này (là A\$35,132) cho mỗi xã nhỏ (10 xã) cho các đầu vào hoạt động tạo thu nhập cộng thêm A\$106,230 cho đầu vào các kế hoạch hoạt động của 98 quỹ VSCF hiện thời (nghĩa là, 12 triệu đồng cho mỗi quỹ VSCF để xây dựng và thực hiện một kế hoạch hoạt động cho đến cuối tháng 6/2005);
- A\$51,353 dành cho nâng cao năng lực hộ gia đình (bao gồm các hoạt động tập huấn kỹ thuật thú y cho thú y cơ sở, tập huấn cho các UBND xã và huyện về PPP toàn diện, Theo dõi & Đánh giá có sự tham gia với các nhóm hoạt động và tập huấn về cơ sở hạ tầng cho các nhóm hoạt động);
- A\$12,600 cho tài liệu tập huấn như là đầu vào cho các quỹ VSCF mới sẽ được thành lập trong năm 2005/2006;
- A\$381,000 dành cho các hợp đồng dịch vụ hoạt động bao gồm hỗ trợ các quỹ VSCF, các kỹ năng thương mại thương mại cơ bản, thực hiện thí điểm và từng phần về Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia, tập huấn hệ thống canh tác và khuyến nông có sự tham gia, tài liệu khuyến nông dành cho nông hộ, hợp đồng các cơ quan khuyến nông tỉnh và huyện về thử nghiệm các kỹ thuật mới và tập huấn cán bộ xã để hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch xã; và
- A\$45,000 kinh phí chưa chi của Năm 3 mà đã cam kết vào các Hợp đồng dịch vụ hoạt động.

(b) Cơ sở hạ tầng: Số tiền A\$490,000 dành cho cơ sở hạ tầng được phân bổ như sau:

- A\$330,000 gồm A\$30,000/xã cho 11 xã (9 xã tiêu chuẩn cộng với xã Nghĩa Thọ và xã Nghĩa Sơn là hai xã nhỏ miền núi nhưng được bao gồm trong CBRIP);
- A\$120,000 gồm A\$15,000/ xã cho 8 xã nhỏ miền núi (và có bao gồm trong CBRIP);
- A\$40,000 để trang trải cho những cam cho các hợp đồng cơ sở hạ tầng đã được ký vào năm 2004/2005 nhưng chưa hoàn thành.

(c) Kinh phí bổ sung: Số tiền A\$200.000 được tính ở mức A\$50,000/xã cho 4 xã.

Chúng tôi đề xuất sẽ phân bổ kinh phí đầu vào hoạt động tạo thu nhập cho mỗi xã như sau (số tiền A\$70,264 hoặc A\$35,132/xã):

- 60% dành cho vốn 'giống' cho các quỹ VSCF;
- 20% dành cho các kế hoạch hoạt động của các nhóm hoạt động tạo thu nhập mà xác định từ kế hoạch xã như chăn nuôi, trồng trọt, phi nông nghiệp, v.v.
- 20% dành cho các dự án hỗ trợ đời sống được xác định thông qua các kế hoạch xã, là: các chương trình về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, các chương trình phòng bệnh, các chương trình hỗ trợ giáo dục, các chương trình dạy nghề. v.v.

Phụ lục 11 cung cấp chi tiết về ngân sách cần dùng cho việc thực hiện Chiến lược truyền thông của Chương trình. Vì trước đây không có sự phân bổ ngân sách cụ thể cho Chiến lược truyền thông trong PDD, các mục chi phí nêu trong Phụ lục 11 được lấy nguồn từ nhiều hạng mục chi phí khác nhau. Chiến lược truyền thông bao gồm việc quảng bá Chương trình tại các xã và tại cấp huyện và cấp tỉnh, cộng với việc quảng bá Chương trình ở cấp quốc gia, với các cơ quan tài trợ, các tổ chức NGO và các dự án khác, v.v.

5.2 Kinh phí bên Chính phủ Việt Nam (GOV)

(a) Chi tiêu của Năm 1, Năm 2 và Năm 3 Giai đoạn 2

Bảng 7 tổng hợp về chi tiêu ngân sách tài trợ bên Chính phủ Việt Nam cho Năm 1, Năm 2 và Năm 3. Chi tiêu đối với các Hoạt động cơ sở hạ tầng đã thấp hơn ngân sách vì các xã đã phải dành nhiều thời gian trong việc lập các quyết toán về thiết kế cơ sở hạ tầng, v.v. đáp ứng theo Kho bạc nhà nước. Vấn đề này nay đang được cải thiện với sự hỗ trợ từ RUDEP và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bảng 7: Tổng hợp chi tiêu bên GOV - Năm 1 và Năm 2 (VN đồng)

Năm 1 Giai đoạn 2 (10/2002 - 06/2003)

Mục	Năm 1 (10/2002 - 06/2003)		
	Ngân sách (tr. đồng)	Chi tiêu (tr. đồng)	Tỉ lệ (%)
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, chi phí hoạt động PMU v.v.)	450	250	56%
Hoạt động cơ sở hạ tầng (dọn quang mặt bằng, thiết kế, đền bù, v.v.)	250	0	0%
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	440	440	100%
Tổng cộng	1,140	690	61%

Năm 2 Giai đoạn 2 (07/2003 – 06/2004)

Mục	Năm 2 (07//2003 - 06/2004)		
	Ngân sách (tr. đồng)	Chi tiêu (tr. đồng)	Tỉ lệ (%)
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, chi phí hoạt động PMU v.v.)	600	493	82%
Hoạt động cơ sở hạ tầng (dọn quang mặt bằng, thiết kế, đền bù, v.v.)	550	55	10%
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	900	702	78%
Tổng cộng	2,050	1,550	61%

Năm 3 Giai đoạn 2 (07/2004 – 06/2005)

Mục	Năm 3 (07/2004 – 06/2005)		
	Ngân sách (tr. đồng)	Chi tiêu* (tr. đồng)	Tỉ lệ (%)
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, chi phí hoạt động PMU v.v.)	574	339	59%
Hoạt động cơ sở hạ tầng (dọn quang mặt bằng, thiết kế, đền bù, v.v.)	400	190	48%
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	126	126	100%
Tổng cộng	1,100	655	60%

Ghi chú: Số liệu chi tiêu từ 07/2004 – 03/2005.

(b) Ngân sách cho Năm 4 Giai đoạn 2

Ngân sách bên Chính phủ Việt Nam cho kỳ của Kế hoạch hàng năm này được trình bày ở Bảng 8. Vì các nguồn ngân sách bên Chính phủ Việt Nam được xây dựng trên theo năm

dương lịch, tổng hợp ngân sách bên Chính phủ Việt Nam dành cho chương trình được tính toán từ phần ngân sách được phê duyệt cho năm 2005 và ngân sách sơ bộ cho năm 2006 mà sẽ được PPC xem lại vào cuối năm 2005.

Bảng 8: Tổng hợp ngân sách GOV dành cho Chương trình (A\$/tr. đồng)

Năm 4 Giai đoạn 2 (07/2005 - 06/2006)

Mục	A\$	Triệu đồng
GOV		
Chi phí quản lý (nhân sự, mua sắm, chi phí hoạt động PMU v.v.)	54,546	600
Hoạt động cơ sở hạ tầng (dọn quang mặt bằng, thiết kế, đền bù, v.v.)	45,454	500
Khác (xây dựng văn phòng PMU)	0	0
Tổng cộng	100,000	1,100

Ghi chú: Mục 'Nhân sự' gồm lương cho cán bộ giữ vị trí đối tác và phụ cấp cho cán bộ chính quyền tham gia dự án.

6 Khung Theo dõi & Đánh giá

RUDEP đã xây dựng một khung Theo dõi & Đánh giá mà sẽ tiếp tục tiến hóa theo thời gian để đáp ứng các nhu cầu của các bên liên quan khác nhau. Các bên khác nhau có những cần thiết khác nhau, và các hệ thống M&E của RUDEP là nhằm vào việc thỏa mãn những yêu cầu của các bên là:

- Các nghĩa vụ/ yêu cầu về M&E chuyên nghiệp của AusAID (không lâu bền)
- Hệ thống và năng lực đối với Tỉnh (lâu bền)
- Hệ thống và năng lực đối với Huyện (lâu bền)
- Hệ thống và năng lực đối với Xã (lâu bền)
- M&E có sự tham gia với các Nhóm hoạt động (lâu bền)

Mặc dù chúng tôi sẽ làm việc theo hướng duy trì lâu bền phần lớn các hệ thống M&E thuộc bên liên quan, chúng tôi không dự kiến để Chính quyền Tỉnh (PG) chịu trách nhiệm việc hoàn thiện hệ thống M&E của RUDEP là hệ thống được thiết kế để báo cáo theo các mục tiêu bậc cao hơn và các chỉ báo khung logic thay vì chỉ đáp ứng các nhu cầu của PG. Các hệ thống M&E và năng lực kèm theo để vận hành chúng sẽ được xây dựng qua hai năm đến như là một phần trong chiến lược địa phương hóa.

Hệ thống M&E của RUDEP nhằm vào việc thỏa mãn các yêu cầu sau:

(a) Đánh giá sự thích đáng của chương trình và sự lồng ghép của nó vào trong các chiến lược của chính phủ Việt Nam và chính phủ Ô-x-trây-li-a, gồm:

- mức độ của chương trình về mặt đáp ứng các mục tiêu chiến lược của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là thông qua Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (CPRGS),
 - tính hiệu quả và tính thích đáng của chương trình về mặt đáp ứng các mục tiêu trong Chiến lược Hợp tác Phát triển Quốc gia Việt Nam - Ô-x-trây-li-a (2003 – 2007) về:
 - tăng năng lực sản xuất nông thôn thông qua tăng năng lực sản xuất và hiệu quả nông nghiệp, gồm tăng năng lực trong các định chế nông nghiệp để giải quyết các hạn chế nông nghiệp của hộ sản xuất nhỏ (Mục tiêu chiến lược 2.1); và
 - tăng tính hiệu quả của các thị trường nông nghiệp và phi nông nghiệp thông qua việc gia tăng sự tiếp cận các thông tin thị trường (Mục tiêu chiến lược 2.2).
- RUDEP báo cáo theo định kỳ sáu tháng và sử dụng Công cụ theo dõi được làm được giản hóa (SMT) của AusAID mà bao trùm các lĩnh vực và những lĩnh vực quan tâm khác đối với chương trình viện trợ Ô-x-trây-li-a.
- Tính bền vững, sự lồng ghép và sự phối hợp của Chương trình với các hoạt động của các cơ quan tài trợ khác và các đường lối tiếp cận quản lý viện trợ ưu tiên của Chính phủ Việt Nam;

(b) Đánh giá hiệu suất của chương trình trong việc đáp ứng các mục tiêu thiết kế của chương trình như đã nêu trong ma trận khung logic (xem Phụ lục 16). Một kế hoạch M&E đã được lập năm 2003 cung cấp chi tiết về hệ thống M&E, các chỉ báo và phương tiện thực hiện một hệ thống M&E để phản ánh tính hiệu suất. Hệ thống này được dùng để quản lý chương trình và báo cáo tình hình tiến triển. Các thành phần chính của hệ thống gồm:

- một Hệ thống thông tin quản lý (MIS) dùng để thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu từ các hoạt động thực địa. Các dữ liệu này xây dựng một chuỗi thời gian mà

biểu diễn những thay đổi trong các chỉ báo khung logic theo thời gian. Những chỉ báo về mục đích, đầu ra và các hoạt động đều được bao gồm trong MIS.

- Theo dõi về khía cạnh tài chính của các quỹ VSCF thông qua việc thu thập và phân tích báo cáo tài chính hàng tháng (Form 5) từ mỗi quỹ VSCF.
- Theo dõi khía cạnh Quản lý và Tài chính mà kiểm soát về kinh phí, nhân sự và các nguồn lực, v.v. thuộc Chương trình.
- Các nghiên cứu đánh giá mà đảm bảo đánh giá chất lượng và công dụng của các đầu ra chương trình, như đào tạo tập huấn, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, v.v. và đạt được sự phản hồi có giá trị từ các bên liên quan về các cách thực cải tiến chương trình.
- Các báo cáo dựa trên vấn đề đảm bảo rằng nhân viên và các đơn vị cung cấp dịch vụ báo cáo về tiến độ và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện như một đầu vào cho một quá trình phát triển liên tục.

RUDEP báo cáo cho AusAID về hiệu suất thực hiện chương trình thông qua một báo cáo tiến độ và một Kế hoạch hàng năm cho mỗi năm. Báo cáo vắn tắt hàng tháng cũng được gửi cho AusAID để cập nhật về các việc đã làm và những vấn đề phát sinh trong thực hiện chương trình.

(c) **Xây dựng một năng lực M&E tại cấp tỉnh, huyện và xã** mà thích đáng với các yêu cầu của mỗi cấp và phù hợp với năng lực và nguồn lực của cấp đó. RUDEP đã bắt đầu xây dựng hệ thống này qua hợp tác với Dự án tăng cường năng lực Theo dõi & Đánh giá Việt Nam – Ôx-trây-li-a 2 (VAMESP 2) dành cho cán bộ cấp tỉnh và sẽ lồng vào hệ thống M&E của RUDEP, song cũng đồng thời làm việc về các hệ thống cấp huyện và xã.

(d) **Xây dựng một năng lực cho các Nhóm hoạt động** (được hỗ trợ bởi các DDO trong thời gian đầu và sau đó là cán bộ xã) để tiến hành Theo dõi & Đánh giá có sự tham gia về việc thực hiện các kế hoạch của các nhóm hoạt động trong xã đó. Việc này sẽ góp phần nâng cao tính tự tin trong các thành viên các nhóm hoạt động để nhận thức về hoàn cảnh của họ và đây là một phần trong quá trình nghiên cứu liên tục và hoàn thiện liên tục đối với sự trao quyền và giảm nghèo.

Annex 1

GOA Resources Schedule

Annex 2

GOA Cost Schedule

Annex 3

Implementation Schedule

Annex 4

Staffing Schedule

Annex 5

Procurement Schedule

Annex 6

Indicative Capacity Building Outcomes, Plan and Costs

Annex 7

Imprest Funds Schedule

Annex 8

Terms of Reference for Short Term Advisers

Annex 9

PMU Organisation Chart

Annex 10

Activity Monitoring Schedule

Annex 11

Communications Budget

Annex 12

Program Progress

Annex 13

Change Frame

Annex 14

Risk Management Matrix

Annex 15

Recurrent Costs

Annex 16

RUDEP Logical Framework Matrix